

Số: 2871/QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính thay thế, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng thực hiện tại bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng và Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính thay thế, sửa đổi, bổ sung quy định tại Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30 tháng 6

năm 2025 thực hiện tại Bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2025.

Quyết định này thay thế thủ tục hành chính có mã 2.000438 được công bố tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2024; có mã 2.001246, 2.001242, 2.000835 được công bố tại Quyết định số 2869/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2024 và sửa đổi, bổ sung nội dung thủ tục hành chính có mã 2.000827 được công bố tại Quyết định số 2869/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục Trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *ĐVL*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thống đốc NHNN (để b/c);
- PTĐ Phạm Tiến Dũng;
- Cục KSTTHC – VPCP (để phối hợp);
- Lưu: VP, VP2.LTHVan, ATHT3.VTDLinh



Đoàn Thái Sơn

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THUỘC PHẠM VI CHỨC
NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2871/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 7 năm 2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**Danh mục thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

STT	Số hồ sơ TTHC được thay thế	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Số hồ sơ TTHC thay thế	Tên VBQPPL quy định	Lĩnh vực	Đơn vị thực hiện
A. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam							
1	2.000438	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng	Thủ tục đề nghị chấp thuận nguyên tắc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng		Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2025	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng)
			Thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng	2.000438	Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2025	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng)
2	2.001246	Thủ tục đề nghị cấp	Thủ tục đề nghị chấp		Thông tư số 12/2025/TT-	Thành lập và	Ngân hàng

		Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần	thuận nguyên tắc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần		NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2025	hoạt động ngân hàng	Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng)
			Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần sau khi chấp thuận nguyên tắc	2.001246	Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2025	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng)
3	2.001242	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài	Thủ tục đề nghị chấp thuận nguyên tắc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng liên doanh,		Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2025	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng)
			Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài	2.001242	Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2025	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục

			doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài sau khi chấp thuận nguyên tắc				Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng)
4	2.000835	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Thủ tục đề nghị chấp thuận nguyên tắc cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài		Thông tư số 12/2025/TT- NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2025	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng)
			Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài sau khi chấp thuận nguyên tắc	2.000835	Thông tư số 12/2025/TT- NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2025	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng)

Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định	Lĩnh vực	Đơn vị thực hiện
B. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực (Ngân hàng Nhà nước chi nhánh)					
1	2.000827	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện nước ngoài	Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2025.	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh

Dnl

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

A. Thủ tục thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Thủ tục chấp thuận nguyên tắc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng

1.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Ban trụ bị lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước.

- **Bước 2:** Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ để xem xét chấp thuận nguyên tắc hoặc yêu cầu bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa đầy đủ, hợp lệ.

- **Bước 3:** Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời Ban trụ bị, trong đó nêu rõ lý do không chấp thuận.

1.2. Cách thức thực hiện:

- *Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có);*

- Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);

- Dịch vụ bưu chính.

1.3. Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép do các cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập ký theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN.

2. Dự thảo Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

3. Đề án thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng (trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 11 Thông tư số 57/2024/TT-NHNN), bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây:

a) Sự cần thiết thành lập;

b) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập, loại hình, tên tỉnh/thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chính, thời gian hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động và khả năng đáp ứng các điều kiện hoạt động

ngân hàng quy định đối với loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập theo quy định của pháp luật;

c) Năng lực tài chính của các cổ đông sáng lập, cổ đông góp vốn thành lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, thành viên góp vốn;

d) Sơ đồ tổ chức và mạng lưới hoạt động dự kiến trong 03 năm đầu tiên;

đ) Danh sách nhân sự dự kiến, trong đó mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán và kiểm toán đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí, chức danh:

(i) Chủ tịch, thành viên, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên; Trưởng ban các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên;

(ii) Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát;

(iii) Tổng giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu tổ chức.

e) Chính sách quản lý rủi ro: Nhận diện, đo lường, phòng ngừa, quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và các rủi ro khác trong quá trình hoạt động;

g) Công nghệ thông tin:

(i) Dự kiến đầu tư tài chính cho công nghệ thông tin;

(ii) Hệ thống công nghệ thông tin phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành, quản lý rủi ro và các quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(iii) Khả năng áp dụng công nghệ thông tin, trong đó nêu rõ: thời gian thực hiện đầu tư công nghệ; loại hình công nghệ dự kiến áp dụng; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin; bảo đảm hệ thống thông tin có thể tích hợp và kết nối với hệ thống quản lý của Ngân hàng Nhà nước để cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước;

(iv) Hồ sơ về hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

(v) Các giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật tương ứng với loại hình dịch vụ dự kiến triển khai; các giải pháp về đảm bảo hoạt động liên tục của hệ thống công nghệ thông tin;

(vi) Nhận diện, đo lường và triển khai phương án quản lý rủi ro đối với công nghệ dự kiến áp dụng trong lĩnh vực hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

(vii) Dự kiến phân công trách nhiệm báo cáo và kiểm soát hoạt động hệ thống công nghệ thông tin;

h) Khả năng phát triển bền vững trên thị trường;

(i) Phân tích và đánh giá thị trường, trong đó nêu được thực trạng, thách thức và triển vọng;

(ii) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường, trong đó chứng minh được lợi thế khi tham gia thị trường;

(iii) Chiến lược phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động và nội dung hoạt động ngân hàng, đối tượng khách hàng, trong đó phân tích chi tiết việc đáp ứng các điều kiện đối với những nội dung hoạt động có điều kiện;

i) Hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống kiểm toán nội bộ:

(i) Nguyên tắc hoạt động và yêu cầu của hệ thống kiểm soát nội bộ;

(ii) Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật các tổ chức tín dụng và các quy định sau đây: Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Người điều hành; Quy định về tổ chức và hoạt động của trụ sở chính, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc khác;

(iii) Nội dung và quy trình hoạt động của kiểm toán nội bộ;

k) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau đây: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch kinh doanh; các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm).

4. Đề án thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã được chủ sở hữu phê duyệt bao gồm tối thiểu các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 57/2024/TT-NHNN (trừ điểm a, điểm c) đối với trường hợp chủ sở hữu là ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

5. Tài liệu chứng minh năng lực của bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến:

a) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN;

b) Phiếu lý lịch tư pháp:

(i) Đối với nhân sự dự kiến có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

(ii) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án

tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì Trưởng Ban trụ bị phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;

(iii) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại điểm b(i) và b(ii) phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tín dụng phi ngân hàng nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 tháng;

Nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);

c) Các văn bằng chứng minh trình độ chuyên môn;

d) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Trường hợp người dự kiến được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên, phải có văn bản cam kết đáp ứng đủ các điều kiện để được cư trú và làm việc tại Việt Nam.

6. Biên bản cuộc họp hội nghị thành lập của cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu về việc lựa chọn Ban trụ bị, Trưởng Ban trụ bị, thông qua dự thảo Điều lệ, đề án thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng và phê duyệt danh sách các chức danh quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến và lựa chọn Ban trụ bị, Trưởng Ban trụ bị.

7. Danh sách các cổ đông sáng lập, cổ đông góp vốn thành lập theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN.

8. Hồ sơ của cổ đông góp vốn thành lập:

a) Đối với cá nhân:

(i) Đơn mua cổ phần theo mẫu quy định tại Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN;

(ii) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN;

(iii) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập phải có thêm các văn bản sau:

- Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN;

- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích và thông tin về việc cấm thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã; *Cổ đông sáng lập được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);*

- Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN;

- Báo cáo tài chính của doanh nghiệp mà cổ đông sáng lập là người quản lý trong ít nhất 03 (ba) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoặc bản sao bằng đại học, trên đại học chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

b) Đối với tổ chức:

- (i) Đơn mua cổ phần theo mẫu quy định tại Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN;

- (ii) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN;

- (iii) Văn bản ủy quyền người đại diện vốn góp tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật;

- (iv) Điều lệ tổ chức và hoạt động;

- (v) Báo cáo tài chính của năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán thuộc danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do cơ quan có thẩm quyền công bố và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

- (vi) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập phải có thêm các văn bản sau:

- Sơ yếu lý lịch của người được cử đại diện phần vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN;

- Phiếu lý lịch tư pháp của người được cử đại diện phần vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; *Cổ đông sáng lập được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);*

- Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN;

- Báo cáo tài chính trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán thuộc danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do cơ quan có thẩm quyền công bố và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính của năm liền kề được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

- Báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng của tổ chức không phải là ngân hàng thương mại theo mẫu quy định tại Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN;

- Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện về việc thực hiện nghĩa vụ thuế và bảo hiểm xã hội: Văn bản cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội của tổ chức theo Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN; Văn bản Xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước; Văn bản của cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội của tổ chức.

Hồ sơ cấp Giấy phép đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép do các cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập ký theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN.

2. Dự thảo Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

3. Đề án thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng (trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 11 Thông tư số 57/2024/TT-NHNN), bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây:

a) Sự cần thiết thành lập;

b) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập, loại hình, tên tỉnh/thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chính, thời gian hoạt động, vốn điều lệ khi

thành lập, nội dung hoạt động và khả năng đáp ứng các điều kiện hoạt động ngân hàng quy định đối với loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập theo quy định của pháp luật;

c) Năng lực tài chính của các cổ đông sáng lập, cổ đông góp vốn thành lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, thành viên góp vốn;

d) Sơ đồ tổ chức và mạng lưới hoạt động dự kiến trong 03 năm đầu tiên;

đ) Danh sách nhân sự dự kiến, trong đó mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán và kiểm toán đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí, chức danh:

(i) Chủ tịch, thành viên, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên; Trưởng ban các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên;

(ii) Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát;

(iii) Tổng giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu tổ chức.

e) Chính sách quản lý rủi ro: Nhận diện, đo lường, phòng ngừa, quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và các rủi ro khác trong quá trình hoạt động;

g) Công nghệ thông tin:

(i) Dự kiến đầu tư tài chính cho công nghệ thông tin;

(ii) Hệ thống công nghệ thông tin phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành, quản lý rủi ro và các quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(iii) Khả năng áp dụng công nghệ thông tin, trong đó nêu rõ: thời gian thực hiện đầu tư công nghệ; loại hình công nghệ dự kiến áp dụng; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin; bảo đảm hệ thống thông tin có thể tích hợp và kết nối với hệ thống quản lý của Ngân hàng Nhà nước để cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước;

(iv) Hồ sơ về hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

(v) Các giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật tương ứng với loại hình dịch vụ dự kiến triển khai; các giải pháp về đảm bảo hoạt động liên tục của hệ thống công nghệ thông tin;

(vi) Nhận diện, đo lường và triển khai phương án quản lý rủi ro đối với công nghệ dự kiến áp dụng trong lĩnh vực hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

(vii) Dự kiến phân công trách nhiệm báo cáo và kiểm soát hoạt động hệ thống công nghệ thông tin;

h) Khả năng phát triển bền vững trên thị trường:

(i) Phân tích và đánh giá thị trường, trong đó nêu được thực trạng, thách thức và triển vọng;

(ii) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường, trong đó chứng minh được lợi thế khi tham gia thị trường;

(iii) Chiến lược phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động và nội dung hoạt động ngân hàng, đối tượng khách hàng, trong đó phân tích chi tiết việc đáp ứng các điều kiện đối với những nội dung hoạt động có điều kiện;

i) Hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống kiểm toán nội bộ:

(i) Nguyên tắc hoạt động và yêu cầu của hệ thống kiểm soát nội bộ;

(ii) Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật các tổ chức tín dụng và các quy định sau đây: Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Người điều hành; Quy định về tổ chức và hoạt động của trụ sở chính, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc khác;

(iii) Nội dung và quy trình hoạt động của kiểm toán nội bộ;

k) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau đây: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch kinh doanh; các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm).

4. Đề án thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã được chủ sở hữu phê duyệt bao gồm tối thiểu các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 57/2024/TT-NHNN (trừ điểm a, điểm c) đối với trường hợp chủ sở hữu là ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

5. Tài liệu chứng minh năng lực của bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến:

a) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN;

b) Phiếu lý lịch tư pháp:

(i) Đối với nhân sự dự kiến có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

(ii) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì Trưởng Ban trù bị phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;

(iii) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại điểm b(i) và b(ii) phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tín dụng phi ngân hàng nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 tháng;

Nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);

c) Các văn bằng chứng minh trình độ chuyên môn;

d) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Trường hợp người dự kiến được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên, phải có văn bản cam kết đáp ứng đủ các điều kiện để được cư trú và làm việc tại Việt Nam.

6. Biên bản cuộc họp hội nghị thành lập của cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu về việc lựa chọn Ban trù bị, Trưởng Ban trù bị, thông qua dự thảo Điều lệ, đề án thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng và phê duyệt danh sách các chức danh quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến và lựa chọn Ban trù bị, Trưởng Ban trù bị.

7. Danh sách các thành viên sáng lập, thành viên góp vốn thành lập theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN.

8. Hợp đồng liên doanh có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật và phải có tối thiểu các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh;

b) Tên, địa chỉ của các bên tham gia liên doanh và người đại diện theo pháp luật của các bên liên doanh;

c) Thời hạn hoạt động của liên doanh;

d) Vốn điều lệ, tỷ lệ góp vốn, mức vốn góp của mỗi bên, phương thức góp vốn, tiến độ góp vốn điều lệ;

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên liên doanh;

e) Số lượng và tỷ lệ thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của các bên trong liên doanh;

g) Dự kiến số phòng ban và số lượng cán bộ, nhân viên thời gian đầu của mỗi bên (số người mang quốc tịch Việt Nam, số người mang quốc tịch nước ngoài);

h) Các nguyên tắc về hạch toán, kế toán, báo cáo, lập và sử dụng các quỹ; việc phân chia lợi nhuận và xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Thủ tục giải quyết những tranh chấp giữa các bên phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng liên doanh, thủ tục thanh lý, giải thể, sáp nhập và hợp nhất của tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh;

k) Các điều kiện để sửa đổi, bổ sung hợp đồng liên doanh;

Hợp đồng liên doanh phải do đại diện hợp pháp của các bên liên doanh ký tắt vào từng trang và ký đầy đủ vào cuối hợp đồng.

9. Hợp đồng thỏa thuận góp vốn giữa các thành viên sáng lập đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn.

10. Hồ sơ đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập là ngân hàng thương mại Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam (trừ trường hợp chủ sở hữu quy định tại khoản 6 Điều 13 Thông tư số 57/2024/TT-NHNN):

a) Hồ sơ quy định tại điểm b(vi) khoản 3 Điều 12 Thông tư số 57/2024/TT-NHNN, trừ Đơn mua cổ phần;

b) Báo cáo quá trình thành lập, hoạt động và định hướng phát triển của chủ sở hữu, thành viên sáng lập cho đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

11. Hồ sơ đối với chủ sở hữu là ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:

a) Văn bản ủy quyền người đại diện phần vốn góp của ngân hàng thương mại Việt Nam tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật;

b) Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện về việc thực hiện nghĩa vụ thuế và bảo hiểm xã hội: Văn bản cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội của tổ chức theo Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN; Xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế

với ngân sách nhà nước; Văn bản của cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội của tổ chức;

c) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN, Phiếu lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật, người được cử đại diện phần vốn góp của ngân hàng thương mại Việt Nam tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích và thông tin về việc cấm thành lập doanh nghiệp. *Người đại diện theo pháp luật, người được cử đại diện phần vốn góp của ngân hàng thương mại Việt Nam tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã).*

12. Hồ sơ đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập là tổ chức tín dụng nước ngoài:

a) Hồ sơ quy định tại điểm b(iii), b(iv), b(v) khoản 3 Điều 12 Thông tư số 57/2024/TT-NHNN và các hồ sơ sau:

(i) Sơ yếu lý lịch của người được cử đại diện phần vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN;

(ii) Phiếu lý lịch tư pháp của người được cử đại diện phần vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp thì Trường Ban trụ bị phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng; *Người được cử đại diện phần vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);*

(iii) Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN;

(iv) Báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng nước ngoài là Báo cáo tài chính trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm

toán và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính của năm liền kề được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

(v) Báo cáo quá trình thành lập, hoạt động và định hướng phát triển của chủ sở hữu, thành viên sáng lập cho đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

b) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh và tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam. Trường hợp pháp luật nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính quy định cơ quan có thẩm quyền không có chức năng cấp văn bản này thì phải có bằng chứng xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính hoặc văn bản pháp luật của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính quy định về vấn đề này, được hợp pháp hoá lãnh sự, dịch sang tiếng Việt và được chứng thực theo quy định của pháp luật;

c) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cung cấp thông tin về tổ chức tín dụng nước ngoài như sau:

(i) Nội dung hoạt động đã được cấp phép tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(ii) Tình hình tuân thủ pháp luật về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iii) Tỷ lệ an toàn vốn và các tỷ lệ đảm bảo an toàn khác theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iv) Tình hình tuân thủ các quy định của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

d) Văn bản hoặc tài liệu của tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng tín nhiệm (bao gồm thứ hạng tín nhiệm và triển vọng của thứ hạng tín nhiệm) đối với tổ chức tín dụng nước ngoài trong thời hạn 06 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

đ) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cam kết giám sát hợp nhất theo thông lệ quốc tế đối với hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài;

e) Văn bản cam kết của chủ sở hữu, các thành viên sáng lập về việc:

(i) Sẵn sàng hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh, tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài;

(ii) Bảo đảm duy trì giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn không thấp hơn mức vốn pháp định và đáp ứng đầy đủ các quy định về an toàn hoạt động theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

1.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ bằng tiếng Việt, trừ trường hợp Thông tư số 57/2024/TT-NHNN có quy định khác.

1.5. Thời hạn giải quyết: 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

1.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).

1.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận/ không chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

1.9. Lệ phí: Không

1.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng (Phụ lục 05).

+ Sơ yếu lý lịch tự khai (Phụ lục 06).

+ Danh sách các cổ đông (thành viên) sáng lập, góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng (Phụ lục 07).

+ Đơn mua cổ phần đối với cá nhân (Phụ lục 08).

+ Đơn mua cổ phần đối với tổ chức (Phụ lục 09).

+ Bảng kê khai người có liên quan (Phụ lục 10).

+ Bản kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của cá nhân góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng (Phụ lục 11).

+ Bản kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của tổ chức góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng (Phụ lục 12).

+ Báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn tổ chức tín dụng phi ngân hàng của tổ chức không phải là ngân hàng thương mại (Phụ lục 13).

+ Văn bản cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội (Phụ lục 14).

1.11. Yêu cầu, điều kiện:

- Điều kiện cấp Giấy phép

- a) Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định;
- b) Chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là pháp nhân đang hoạt động hợp pháp và có đủ năng lực tài chính để tham gia góp vốn; cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có cam kết đủ khả năng tài chính để góp vốn;
- c) Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng;
- d) Điều lệ phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, bảo đảm không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng, không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.

- Điều kiện đối với cổ đông sáng lập của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

1. Không phải là cổ đông chiến lược, cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.
2. Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn.
3. Ngoài các quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024, cổ đông sáng lập là cá nhân phải tuân thủ các quy định sau đây:
 - a) Mang quốc tịch Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
 - b) Không thuộc những đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Cán bộ, công chức và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - c) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không được góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác góp vốn, mua cổ phần;
 - d) Là người quản lý doanh nghiệp kinh doanh có lãi trong ít nhất 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoặc có bằng đại học, trên đại học chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
 - đ) Không bị kết án về tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng mà chưa được xóa án tích; không

bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, mua trái phiếu doanh nghiệp trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

4. Ngoài các quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024, cổ đông sáng lập là tổ chức phải tuân thủ các quy định sau đây:

- a) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam;
- b) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không được góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác góp vốn, mua cổ phần;
- c) Kinh doanh có lãi trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;
- d) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;
- đ) Không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;
- e) Đối với tổ chức là doanh nghiệp Việt Nam (trừ ngân hàng thương mại Việt Nam):

Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 500 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu mức vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn cam kết góp;

Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm, phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật về chứng khoán, bảo hiểm;

- g) Đối với ngân hàng thương mại Việt Nam:

Có tổng tài sản tối thiểu 100.000 tỷ đồng, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

Không vi phạm các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề

ngợi cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu sau khi góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

- Điều kiện đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

1. Thành viên sáng lập là doanh nghiệp Việt Nam (trừ ngân hàng thương mại Việt Nam) phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Các quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 và các điểm a, b, c, d khoản 4 Điều 8 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024;

b) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 1.000 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 2.000 tỷ đồng trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu mức vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính được kiểm toán của năm liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn cam kết góp;

c) Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm, phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật về chứng khoán, bảo hiểm;

d) Không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

2. Chủ sở hữu, thành viên sáng lập là ngân hàng thương mại Việt Nam (trừ trường hợp chủ sở hữu quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024) phải tuân thủ các quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 và các điểm c, d, đ, g khoản 4 Điều 8 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024.

3. Chủ sở hữu, thành viên sáng lập là tổ chức tín dụng nước ngoài phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

b) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính trong 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

c) Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng như sau:

Thứ hạng tín nhiệm từ mức A- trở lên (theo Standard & Poor's hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức A3 trở lên (theo Moody's) đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp sử dụng xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế khác, tổ chức đó phải được Cơ quan Giám sát Thị trường và Chứng khoán Châu Âu (The European Securities and Markets Authority - ESMA) đăng ký hoặc xác nhận, hoặc tổ chức đó phải được quốc gia thuộc Nhóm các nước G7 cho phép xếp hạng tín nhiệm đối với tổ chức tín dụng nước ngoài thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng tại Việt Nam, thứ hạng tín nhiệm phải từ mức A trở lên;

Triển vọng của thứ hạng tín nhiệm quy định tại điểm này từ mức ổn định trở lên.

d) Được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

đ) Không phải là cổ đông chiến lược, chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

4. Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, chủ sở hữu, các thành viên sáng lập phải cùng nhau sở hữu 100% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 5 Điều 9 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024.

5. Chủ sở hữu là ngân hàng thương mại Việt Nam được chuyển giao bắt buộc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 và điểm d khoản 4 Điều 8 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024;

b) Có mức vốn điều lệ tối thiểu bằng tổng mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại và mức vốn pháp định đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

c) Thời hạn sở hữu quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024 thực hiện theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

- Điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính đối với tổ chức tín dụng nước ngoài khi đề nghị cấp Giấy phép

Khi đề nghị cấp Giấy phép, tổ chức tín dụng nước ngoài là thành viên sáng lập, chủ sở hữu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính sau đây:

1. Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép;

2. Kinh doanh có lãi trong 03 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép.

1.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

+ Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của TCTD là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

+ Thông tư số 57/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ *Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;*

Phụ lục số 05**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VÀ HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN ngày 24/12/2024
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp
Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ
sung))*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY... (*)**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày ... tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Căn cứ Biên bản Hội nghị thành lập ngày ... tháng ... năm;

Các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập của Công ty ...(*) thay mặt các cổ đông (thành viên) góp vốn thành lập hoặc chủ sở hữu Công ty...(*) đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng với các nội dung sau đây:

1. Hình thức pháp lý:
2. Tên của tổ chức tín dụng phi ngân hàng:
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt
 - Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có)
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh
 - Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có)
 - Tên giao dịch (nếu có)

3. Tên tỉnh, thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chính:

4. Nội dung hoạt động:

5. Thời hạn hoạt động:

6. Vốn điều lệ: ... đồng Việt Nam (bằng chữ...), trong đó tỷ lệ góp vốn của các cổ đông (thành viên) sáng lập như sau:

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Địa chỉ	Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, hoặc số hộ chiếu, số định danh cá nhân	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty A				
2	Nguyễn Văn B				
3					

7. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (nêu rõ họ, tên và các chức danh đề nghị chấp thuận của từng thành viên).

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Thực hiện đăng ký khai trương hoạt động và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

Các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu Công ty...^(*)

(Cổ đông sáng lập là cá nhân ký và ghi đầy đủ họ và tên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu là tổ chức do người đại diện hợp pháp ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên)

^(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

Phụ lục số 06**MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH TỰ KHAI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN ngày 24/12/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****SƠ YẾU LÝ LỊCH****1. Thông tin cá nhân**

- Họ và tên:
- Ngày tháng năm sinh:
- Nơi sinh:

Ảnh hộ chiếu

(4 x 6)

- Số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện (trường hợp là người đại diện của pháp nhân):

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm)

3. Quá trình công tác

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay), làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính.

- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại ngân hàng thương mại và các tổ chức khác.

- Đơn vị công tác; chức vụ; các trách nhiệm chính (liệt kê các đơn vị công tác và chức danh nắm giữ tại các đơn vị này đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Phần vốn góp, cổ phần dự kiến sở hữu (trường hợp cổ đông là cá nhân) hoặc dự kiến được ủy quyền, ủy thác đứng tên (trường hợp là người đại diện của pháp nhân).

5. Mối quan hệ (nếu là cổ đông sáng lập, người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm người quản lý, điều hành và một số chức danh khác của tổ chức tín dụng phi ngân hàng):

Kê khai mối quan hệ với người có liên quan.

6. Thông tin về cam đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có/không cung cấp được thông tin này);

7. Tôi,..... xin cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

..., ngày... tháng... năm....

Người khai

(Ký và ghi rõ họ và tên)*

* Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Phụ lục số 07
DANH SÁCH CÁC CỔ ĐÔNG (THÀNH VIÊN) SÁNG LẬP, GÓP VỐN
THÀNH LẬP TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN ngày 24/12/2024
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp
Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ
sung))

STT (1)	Tên cổ đông, thành viên góp vốn (2)	Địa chỉ (3)	Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, hoặc số định danh cá nhân, số hộ chiếu (4)	Giá trị vốn góp (5)	Số cổ phần (6)	Loại cổ phần (7)	Tỷ lệ vốn góp (8)
I. Cổ đông (thành viên) sáng lập:							
Tổ chức							
1	Công ty A						
2							
Cá nhân							
3	Nguyễn Văn A						
4							
II. Cổ đông (thành viên) góp vốn thành lập:							
Tổ chức							
5	Công ty B						
6							
Cá nhân							
7	Nguyễn Văn B						
8							

Trưởng Ban quản lý
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 08**MẪU ĐƠN MUA CỔ PHẦN ĐỐI VỚI CÁ NHÂN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN ngày 24/12/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN MUA CỔ PHẦN

Kính gửi: Ban trụ bị thành lập Công ty ...(*)

1. Cá nhân đề nghị mua cổ phần:

- Họ và tên: (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa)
- Ngày tháng năm sinh:
- Số định danh cá nhân; nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp (đối với người có quốc tịch Việt Nam):
- Số hộ chiếu, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp; quốc tịch; địa chỉ cư trú hiện nay (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):
- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:
- Số điện thoại:

2. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua, loại cổ phần, giá trị, tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ:
- Thời gian nộp tiền:

3. Tình hình góp vốn, mua cổ phần tại các tổ chức khác:

- Tên tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà cá nhân đang có vốn góp;
- Số vốn đã góp và tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đó.

4. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ của Công ty ...(*) và các quy định của pháp luật có liên quan, tôi cam kết:

a) Mua đủ số cổ phần và góp đúng thời hạn đã đăng ký;

b) Không sử dụng vốn huy động, vốn vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp thành lập tổ chức tín dụng.

dụng phi ngân hàng cổ phần;

c) Tuân thủ các quy định tại Điều lệ của Công ty...^(*), các quy định nội bộ của Công ty...^(*) và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ, chính xác của những hồ sơ gửi kèm.

Người mua cổ phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

Phụ lục số 09**MẪU ĐƠN MUA CỔ PHẦN ĐỐI VỚI TỔ CHỨC**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN ngày 24/12/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN MUA CỔ PHẦN

Kính gửi: Ban trụ bị thành lập Công ty...(*)

1. Tổ chức đề nghị mua cổ phần:

- Tên tổ chức: (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa)
- Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...:
- Vốn điều lệ:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại: Số Fax: ...

2. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên:
- Ngày tháng năm sinh:
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức:
- Số định danh cá nhân; nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp (đối với người có quốc tịch Việt Nam):
- Số hộ chiếu, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp, quốc tịch; địa chỉ cư trú hiện nay (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

3. Người được cử làm đại diện phần vốn góp của tổ chức tại Công ty...(*):

- Họ và tên:
- Ngày tháng năm sinh:
- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:
- Quan hệ với tổ chức (trong trường hợp không làm việc cho tổ chức đó):
- Số định danh cá nhân, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp (đối với người có

quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp, quốc tịch; địa chỉ cư trú hiện nay (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

4. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua:

- Loại cổ phần:

- Giá trị:

- Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ:

- Thời gian nộp tiền:

5. Tình hình góp vốn, mua cổ phần tại các tổ chức khác:

- Tên tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà tổ chức đang có vốn góp;

- Số vốn đã góp, mua cổ phần và tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đó.

6. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ của Công ty ...^(*) và các quy định của pháp luật có liên quan, (tên tổ chức đề nghị mua cổ phần) cam kết:

a) Mua đủ số cổ phần và góp đúng thời hạn đã đăng ký;

b) Không sử dụng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần;

c) Không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 (hai) năm liền kề trước thời điểm nộp đơn.

d) Tuân thủ các quy định tại Điều lệ của Công ty...^(*), các quy định nội bộ của Công ty...^(*) và các quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ, chính xác của những hồ sơ gửi kèm.

**Người đại diện hợp pháp của tổ
chức**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng
dấu)*

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

Phụ lục số 10
BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN ngày 24/12/2024
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp
Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ
sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

- 1. Thông tin người kê khai**
- 2. Người có liên quan**

STT	Người có liên quan	Mối quan hệ với người khai	Đã tham gia góp vốn tổ chức tín dụng		Tỷ lệ góp vốn điều lệ thành lập Công ty...(*)
			Tên, địa chỉ tổ chức tín dụng	Tỷ lệ góp vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nguyễn Văn A	Người khai			
2	Nguyễn Thị B				
3	Công ty X				
...					
Tổng cộng				% (chi tiết từng tổ chức tín dụng)	

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai (7)
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai Thông tin người kê khai: Kê khai thông tin của cổ đông góp vốn, chủ sở hữu, thành viên góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

a) Đối với cá nhân, kê khai các nội dung sau đây:

- Họ và tên;
- Tên thường gọi;
- Ngày, tháng, năm sinh;
- Số định danh cá nhân; nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp (đối với người có quốc tịch Việt Nam);
- Số hộ chiếu, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp; địa chỉ cư trú hiện nay (đối với người không có quốc tịch Việt Nam);
- Chức vụ được bầu, bổ nhiệm tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập.

b) Đối với tổ chức, kê khai các nội dung sau đây:

- Tên tổ chức;
- Địa chỉ;
- Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp.

2. Đối với phần kê khai Người có liên quan

2.1. Cột (3): Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan ở cột (2) thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan để điền vào cột (3).

2.2. Cột (4): Ghi rõ tên, địa chỉ các tổ chức tín dụng đã tham gia góp vốn.

2.3. Cột (5): Ghi cụ thể tỷ lệ sở hữu cổ phần hoặc tỷ lệ vốn góp vốn điều lệ của tổ chức tín dụng tại thời điểm đăng ký tham gia góp vốn thành lập Công ty ... (*)

2.4. Cột (6): Ghi cụ thể tỷ lệ vốn góp đăng ký, tham gia góp để thành lập Công ty ... (*) căn cứ theo Phụ lục số 08, Phụ lục số 09 Thông tư số 57/2024/TT-NHNN.

2.5. Đối với phần kê khai tại (7): Nếu là tổ chức, người ký tên người khai là đại diện hợp pháp của tổ chức và đóng dấu.

Phụ lục số 11**BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG
CỦA CÁ NHÂN GÓP VỐN THÀNH LẬP
TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN ngày 24/12/2024
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp
Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ
sung))*

**BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG
CỦA CÁ NHÂN**

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu:
4. Số tài khoản tại ngân hàng:
5. Nghề nghiệp, lĩnh vực kinh doanh:
6. Thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng
 - Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:
 - Địa chỉ:
 - Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp:
 - Tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đến thời điểm kê khai:
 - Dư nợ vay tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đến thời điểm kê khai:
 - Dư nợ quá hạn tại thời điểm gần nhất:
 - Nợ xấu tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:
 - + Thời điểm: Tháng/năm
 - + Thực trạng xử lý nợ xấu *(Ghi rõ đến thời điểm kê khai đã xử lý như thế nào)*:

..., ngày ... tháng ... năm ...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 12

**BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG
CỦA TỔ CHỨC GÓP VỐN THÀNH LẬP
TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN ngày 24/12/2024
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp
Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ
sung))*

**BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG
CỦA TỔ CHỨC**

1. Tên tổ chức:
2. Mã số thuế:
3. Lĩnh vực kinh doanh:
4. Thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng
 - Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:
 - Địa chỉ:
 - Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp:
 - Tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đến thời điểm kê khai:
 - Dư nợ vay tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đến thời điểm kê khai:
 - Dư nợ quá hạn tại thời điểm gần nhất:
 - Nợ xấu tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:
 - + Thời điểm: Tháng/ năm
 - + Thực trạng xử lý nợ xấu *(Ghi rõ đến thời điểm kê khai đã xử lý như thế nào)*:

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Người đại diện hợp pháp của tổ
chức**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng
dấu)*

PHỤ LỤC SỐ 13
BÁO CÁO KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH THAM GIA GÓP VỐN TỔ CHỨC
TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG CỦA TỔ CHỨC KHÔNG PHẢI LÀ
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN ngày 24/12/2024
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp
Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ
sung))*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: (1)

1. Thông tin về tổ chức:

- Tên tổ chức (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa)
- Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...
- Vốn điều lệ
- Địa chỉ trụ sở chính
- Số điện thoại: Số Fax: ...
- Người đại diện theo pháp luật:

2. Khả năng về tài chính để góp vốn thành lập Công ty ...(*)

- A: Vốn chủ sở hữu (2).
- B: Tài sản dài hạn (3) trừ đi Nợ dài hạn dùng để đầu tư Tài sản dài hạn (4).
- C: Khả năng về tài chính để góp vốn thành lập Công ty ...(*)
 $(C = A - B)$

Kết luận: Đủ khả năng tài chính góp vốn thành lập Công ty ... (*) (chỉ kết luận này khi C tối thiểu bằng mức vốn cam kết góp của tổ chức)

Ghi chú:

- (1): Gửi Ban trụ bị.
- (2), (3), (4): Được lấy theo Báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ. Trường hợp tổ chức góp vốn thành lập là công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con, tổ chức góp vốn thành lập phải nộp báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật về kế toán.

Người đại diện hợp pháp của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục số 14
VĂN BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ NGHĨA VỤ THUẾ,
BẢO HIỂM XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN ngày 24/12/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ sung))

TÊN TỔ CHỨC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

Số:/.....

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*V/v cam kết đã thực hiện đầy đủ
nghĩa vụ thuế, bảo hiểm*

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN CAM KẾT ĐÃ THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ NGHĨA VỤ THUẾ,
BẢO HIỂM XÃ HỘI

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày ... tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Tên tổ chức:

Mã số thuế:

Trụ sở chính:

Điện thoại:

Đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Bằng văn bản này, *tên tổ chức* xin cam kết: Tính tới thời điểm hiện tại, *tên tổ chức* đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội với cơ quan nhà nước.

Tên tổ chức xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ các nội dung tại cam kết này.

Trân trọng cảm ơn./.

Đại diện theo pháp luật của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

2. Thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng sau khi chấp thuận nguyên tắc

2.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Ban trụ bị lập các văn bản bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 12, khoản 8 Điều 13 Thông tư số 57/2024/TT-NHNN gửi Ngân hàng Nhà nước. Quá thời hạn nêu trên, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hoặc nhận được không đầy đủ các văn bản bổ sung thì văn bản chấp thuận nguyên tắc đương nhiên không còn giá trị.

- **Bước 2:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản gửi Ban trụ bị về việc đã nhận đầy đủ văn bản bổ sung.

- **Bước 3:** Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước tiến hành cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản gửi Ban trụ bị, trong đó nêu rõ lý do không cấp Giấy phép.

2.2. Cách thức thực hiện:

- *Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có);*

- Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);

- Dịch vụ bưu chính.

2.3. Thành phần hồ sơ:

Đối với hồ sơ cấp Giấy phép đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần, sau khi nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc, Ban trụ bị phải nộp bổ sung các văn bản sau:

a) Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã được Đại hội thành lập thông qua;

b) Biên bản và Nghị quyết của Đại hội thành lập về việc thông qua Điều lệ, bầu các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

c) Biên bản họp Hội đồng quản trị về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị; Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu chức danh Trưởng ban kiểm soát;

d) Quyết định của Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;

đ) Văn bản của một ngân hàng thương mại Việt Nam nơi Ban trụ bị mở tài khoản góp vốn xác nhận số tiền góp vốn của các cổ đông góp vốn thành lập;

e) Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm đặt trụ sở chính;

g) Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại điểm i(ii) khoản 3 Điều 11 Thông tư số 57/2024/TT-NHNN đã được Đại hội thành lập, Hội đồng quản trị thông qua;

h) Báo cáo của cổ đông sáng lập là ngân hàng thương mại Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam về việc tuân thủ các quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép.

Đối với hồ sơ cấp Giấy phép đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn, sau khi nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc, Ban trụ bị phải nộp bổ sung các văn bản sau:

a) Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã được Hội đồng thành viên thông qua;

b) Văn bản của một ngân hàng thương mại Việt Nam nơi Ban trụ bị mở tài khoản góp vốn xác nhận số tiền góp vốn của chủ sở hữu, các thành viên sáng lập;

c) Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm đặt trụ sở chính;

d) Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại điểm i(ii) khoản 3 Điều 11 Thông tư số 57/2024/TT-NHNN đã được Hội đồng thành viên thông qua;

đ) Báo cáo của ngân hàng thương mại Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam hoặc báo cáo của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt về việc tuân thủ các quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép;

e) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính đánh giá tổ chức tín dụng nước ngoài tuân thủ các quy định đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập tại Nghị định của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập từ thời điểm nộp

hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép;

g) Ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 8 Điều 13 Thông tư số 57/2024/TT-NHNN, Ban trụ bị thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải nộp bổ sung các văn bản sau đây:

(i) Quyết định của chủ sở hữu về việc bổ nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;

(ii) Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu chức danh Trưởng ban kiểm soát;

h) Ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 8 Điều 13 Thông tư số 57/2024/TT-NHNN, Ban trụ bị thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải nộp bổ sung các văn bản sau đây:

(i) Biên bản và Nghị quyết của Đại hội thành lập về việc thông qua Điều lệ, bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát;

(ii) Biên bản họp Hội đồng thành viên thông qua các nội dung về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên; Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu chức danh Trưởng ban kiểm soát;

(iii) Quyết định của Hội đồng thành viên về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng.

2.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ bằng tiếng Việt, trừ trường hợp Thông tư số 57/2024/TT-NHNN có quy định khác.

2.5. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

2.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).

2.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thành lập và hoạt động công ty tài chính (theo mẫu tại Phụ lục 01, 02, 03, 04 ban hành kèm Thông tư số 57/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024)

2.9. Lệ phí: 70.000.000 đồng (Từ ngày 01/07/2025 đến hết ngày 31/12/2026, mức lệ phí bằng 50% mức phí nêu trên theo quy định tại Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.)

2.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

2.11. Yêu cầu, điều kiện:

- Điều kiện cấp Giấy phép

- a) Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định;
- b) Chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là pháp nhân đang hoạt động hợp pháp và có đủ năng lực tài chính để tham gia góp vốn; cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có cam kết đủ khả năng tài chính để góp vốn;
- c) Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng;
- d) Điều lệ phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, bảo đảm không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng, không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.

- Điều kiện đối với cổ đông sáng lập của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

1. Không phải là cổ đông chiến lược, cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.
2. Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn.
3. Ngoài các quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024, cổ đông sáng lập là cá nhân phải tuân thủ các quy định sau đây:
 - a) Mang quốc tịch Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
 - b) Không thuộc những đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Cán bộ, công chức và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - c) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không được góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác góp vốn, mua cổ phần;
 - d) Là người quản lý doanh nghiệp kinh doanh có lãi trong ít nhất 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoặc có bằng đại học, trên

đại học chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

đ) Không bị kết án về tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng mà chưa được xóa án tích; không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, mua trái phiếu doanh nghiệp trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

4. Ngoài các quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024, cổ đông sáng lập là tổ chức phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam;

b) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không được góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác góp vốn, mua cổ phần;

c) Kinh doanh có lãi trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

d) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

đ) Không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

e) Đối với tổ chức là doanh nghiệp Việt Nam (trừ ngân hàng thương mại Việt Nam):

Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 500 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu mức vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn cam kết góp;

Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm, phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật về chứng khoán, bảo hiểm;

g) Đối với ngân hàng thương mại Việt Nam:

Có tổng tài sản tối thiểu 100.000 tỷ đồng, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại thời điểm nộp hồ

sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

Không vi phạm các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu sau khi góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

- Điều kiện đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

1. Thành viên sáng lập là doanh nghiệp Việt Nam (trừ ngân hàng thương mại Việt Nam) phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Các quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 và các điểm a, b, c, d khoản 4 Điều 8 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024;

b) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 1.000 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 2.000 tỷ đồng trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu mức vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính được kiểm toán của năm liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn cam kết góp;

c) Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm, phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật về chứng khoán, bảo hiểm;

d) Không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

2. Chủ sở hữu, thành viên sáng lập là ngân hàng thương mại Việt Nam (trừ trường hợp chủ sở hữu quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024) phải tuân thủ các quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 và các điểm c, d, đ, g khoản 4 Điều 8 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024.

3. Chủ sở hữu, thành viên sáng lập là tổ chức tín dụng nước ngoài phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

b) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính trong 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

c) Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng như sau:

Thứ hạng tín nhiệm từ mức A- trở lên (theo Standard & Poor's hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức A3 trở lên (theo Moody's) đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp sử dụng xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế khác, tổ chức đó phải được Cơ quan Giám sát Thị trường và Chứng khoán Châu Âu (The European Securities and Markets Authority - ESMA) đăng ký hoặc xác nhận, hoặc tổ chức đó phải được quốc gia thuộc Nhóm các nước G7 cho phép xếp hạng tín nhiệm đối với tổ chức tín dụng nước ngoài thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng tại Việt Nam, thứ hạng tín nhiệm phải từ mức A trở lên;

Triển vọng của thứ hạng tín nhiệm quy định tại điểm này từ mức ổn định trở lên.

d) Được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

đ) Không phải là cổ đông chiến lược, chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

4. Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, chủ sở hữu, các thành viên sáng lập phải cùng nhau sở hữu 100% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 5 Điều 9 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024.

5. Chủ sở hữu là ngân hàng thương mại Việt Nam được chuyển giao bắt buộc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 và điểm d khoản 4 Điều 8 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024;

b) Có mức vốn điều lệ tối thiểu bằng tổng mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại và mức vốn pháp định đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

c) Thời hạn sở hữu quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024 thực hiện theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

- Điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính đối với tổ chức tín dụng nước ngoài khi đề nghị cấp Giấy phép

Khi đề nghị cấp Giấy phép, tổ chức tín dụng nước ngoài là thành viên sáng lập, chủ sở hữu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính sau đây:

1. Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép;

2. Kinh doanh có lãi trong 03 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép.

2.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

+ Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của TCTD là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

+ Thông tư số 57/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ *Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;*

+ Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng, giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

+ *Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.*

3. Thủ tục đề nghị chấp thuận nguyên tắc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần

3.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Ban trụ bị lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép được lập theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước.

- **Bước 2:** Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ để xem xét chấp thuận nguyên tắc hoặc yêu cầu bổ sung trong trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa đầy đủ, hợp lệ.

- **Bước 3:** Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng thương mại trên cơ sở ý kiến của các cơ quan liên quan. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời Ban trụ bị, trong đó nêu rõ lý do không chấp thuận.

3.2. Cách thức thực hiện:

- *Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có);*

- Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);

- Dịch vụ bưu chính.

3.3. Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại do các cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập ký theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN.

2. Dự thảo Điều lệ.

3. Đề án thành lập ngân hàng thương mại, bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

a) Sự cần thiết thành lập ngân hàng thương mại;

b) Tên ngân hàng thương mại, tên tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở chính, thời gian hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động;

c) Năng lực tài chính của các cổ đông sáng lập, cổ đông góp vốn thành lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, thành viên góp vốn;

d) Sơ đồ tổ chức và mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại dự kiến trong 03 năm đầu tiên;

đ) Danh sách nhân sự dự kiến trong đó mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán và kiểm toán đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí, chức danh

(i) Chủ tịch, thành viên, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên; Trưởng ban các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên;

(ii) Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát;

(iii) Tổng giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu tổ chức;

e) Chính sách quản lý rủi ro: Nhận diện, đo lường, phòng ngừa, quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro thanh khoản, rủi ro tập trung và các rủi ro khác phát sinh từ các hoạt động trọng yếu và trong quá trình hoạt động;

g) Công nghệ thông tin:

(i) Dự kiến đầu tư tài chính cho công nghệ thông tin;

(ii) Hệ thống công nghệ thông tin phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành, quản lý rủi ro của ngân hàng thương mại và các quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(iii) Khả năng áp dụng công nghệ thông tin, trong đó nêu rõ: thời gian thực hiện đầu tư công nghệ; loại hình công nghệ dự kiến áp dụng; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin; bảo đảm hệ thống thông tin có thể tích hợp và kết nối với hệ thống quản lý của Ngân hàng Nhà nước để cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước;

(iv) Hồ sơ về hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động của ngân hàng thương mại;

(v) Các giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật tương ứng với loại hình dịch vụ dự kiến triển khai; các giải pháp về đảm bảo hoạt động liên tục của hệ thống công nghệ thông tin;

(vi) Nhận diện, đo lường và triển khai phương án quản lý rủi ro đối với công nghệ dự kiến áp dụng trong lĩnh vực hoạt động của ngân hàng thương mại;

(vii) Dự kiến phân công trách nhiệm báo cáo và kiểm soát hoạt động hệ thống công nghệ thông tin;

h) Khả năng đứng vững và phát triển của ngân hàng trên thị trường:

(i) Phân tích và đánh giá thị trường ngân hàng, trong đó nêu được thực trạng, thách thức và triển vọng;

(ii) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường của ngân hàng, trong đó chứng minh được lợi thế của ngân hàng khi tham gia thị trường;

(iii) Chiến lược phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động và nội dung hoạt động ngân hàng, loại khách hàng và số lượng khách hàng. Trong đó, phân tích chi tiết việc đáp ứng các điều kiện đối với những nội dung hoạt động có điều kiện;

i) Hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống kiểm toán nội bộ:

(i) Nguyên tắc hoạt động và yêu cầu của hệ thống kiểm soát nội bộ;

(ii) Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của ngân hàng, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định sau: Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Người điều hành; Quy định về tổ chức và hoạt động của trụ sở chính, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc khác;

(iii) Nội dung và quy trình hoạt động của kiểm toán nội bộ;

k) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch kinh doanh, các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm).

4. Tài liệu chứng minh năng lực của bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến:

a) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VieID theo hướng dẫn của Bộ Công an: không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Phiếu lý lịch tư pháp:

(i) Đối với nhân sự dự kiến có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

(ii) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng;

(iii) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại điểm b(i) và b(ii) phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép không quá 06 tháng;

Nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);

c) Các văn bằng chứng minh trình độ chuyên môn;

d) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật;

đ) Trường hợp người dự kiến được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên, phải có văn bản cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cư trú và làm việc tại Việt Nam.

5. Biên bản cuộc họp cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu về việc lựa chọn Ban trụ bị, Trưởng Ban trụ bị, thông qua dự thảo Điều lệ, đề án thành lập ngân hàng thương mại và danh sách các chức danh quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến và lựa chọn Ban trụ bị, Trưởng Ban trụ bị.

6. Danh sách các cổ đông sáng lập và dự kiến danh sách các cổ đông góp vốn thành lập theo mẫu quy định tại Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN.

7. Hồ sơ của cổ đông góp vốn thành lập:

a) Đối với cá nhân:

(i) Đơn mua cổ phần đối với cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN;

(ii) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN;

(iii) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập phải có thêm các văn bản sau:

- Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VieID theo hướng dẫn của Bộ Công an: không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích và thông tin về việc cấm thành lập, doanh nghiệp, hợp tác xã; *Cổ đông sáng lập được xuất trình Phiếu lý*

lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);

- Báo cáo tài chính 03 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của doanh nghiệp do có đồng sáng lập quản lý hoặc Bản sao có chứng thực văn bằng đại học hoặc trên đại học chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán và kiểm toán;

- Bảng kê khai các loại tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên, các khoản nợ và tài liệu chứng minh theo mẫu quy định tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN;

b) Đối với tổ chức:

(i) Đơn mua cổ phần theo mẫu quy định tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN;

(ii) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN;

(iii) Giấy phép thành lập hoặc văn bản tương đương;

(iv) Hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật và người đại diện vốn góp của tổ chức tại ngân hàng (đối với người không có quốc tịch Việt Nam);

(v) Điều lệ của tổ chức;

(vi) Báo cáo tài chính năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và Báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán độc lập bởi doanh nghiệp kiểm toán thuộc danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do cơ quan có thẩm quyền công bố và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

(vii) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập phải có thêm các văn bản sau:

- Sơ yếu lý lịch của người đại diện vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN; Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; *Cổ đông sáng lập được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);*

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

hoặc kiểm tra ứng dụng ViID theo hướng dẫn của Bộ Công an: không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Báo cáo tài chính 05 năm liên tiếp liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán độc lập bởi doanh nghiệp kiểm toán thuộc danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do cơ quan có thẩm quyền công bố và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

- Văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận cho góp vốn thành lập ngân hàng đối với trường hợp tổ chức là doanh nghiệp Nhà nước;

(viii) Bản gốc Bảng xác định khả năng về tài chính đề góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần của tổ chức không phải là tổ chức tín dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN;

(ix) Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện về việc thực hiện nghĩa vụ thuế và bảo hiểm xã hội: Văn bản cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội của tổ chức theo Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN; Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước; Văn bản của cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội của tổ chức.

3.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ bằng tiếng Việt, trừ trường hợp Thông tư số 56/2024/TT-NHNN có quy định khác.

3.5. Thời hạn giải quyết: 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

3.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).

3.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận/ không chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng thương mại cổ phần.

3.9. Lệ phí: Không

3.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại (Phụ lục số 04)

+ Sơ yếu lý lịch tự khai (Phụ lục số 07).

+ Danh sách các cổ đông góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần (Phụ lục số 08).

+ Đơn mua cổ phần đối với cá nhân (Phụ lục số 09).

- + Đơn mua cổ phần đối với tổ chức (Phụ lục số 10).
- + Bảng kê khai người có liên quan và tình hình tham gia góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần (Phụ lục số 11).
- + Bản kê khai tài sản, thu nhập của cổ đông sáng lập là cá nhân của ngân hàng thương mại cổ phần (Phụ lục số 12).
- + Bảng xác định khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng (Phụ lục số 13).
- + Văn bản cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội của tổ chức (Phụ lục số 14)

3.11. Yêu cầu, điều kiện:

- Có vốn điều lệ, vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định;
- Chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là pháp nhân đang hoạt động hợp pháp và có đủ năng lực tài chính để tham gia góp vốn; cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có cam kết đủ khả năng tài chính để góp vốn;
- Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật các tổ chức tín dụng;
- Có điều lệ phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
- Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, bảo đảm không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng, không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.
- Điều kiện đối với cổ đông sáng lập:
 - + Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác;
 - + Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% vốn điều lệ khi thành lập ngân hàng thương mại cổ phần, trong đó các cổ đông sáng lập là pháp nhân phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% tổng số cổ phần của các cổ đông sáng lập nhưng không vượt quá tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều 63 Luật Các tổ chức tín dụng;
 - + Ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, cổ đông sáng lập là cá nhân phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - i) Mang quốc tịch Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

ii) Không thuộc những đối tượng bị cấm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Cán bộ, công chức và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

iii) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không được góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác góp vốn, mua cổ phần;

iv) Là người quản lý doanh nghiệp kinh doanh có lãi trong ít nhất 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoặc có bằng đại học, trên đại học chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.

v) Không bị kết án về tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng mà chưa được xóa án tích; không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, mua trái phiếu doanh nghiệp trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

+ Ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, cổ đông sáng lập là tổ chức phải đáp ứng các điều kiện sau:

i) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam;

ii) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không được góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác góp vốn, mua cổ phần;

iii) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

iv) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 500 tỷ đồng trong 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

v) Kinh doanh có lãi trong 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

vi) Trường hợp là doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

vii) Trường hợp là doanh nghiệp nhà nước, phải được phép tham gia góp vốn theo quy định của pháp luật;

viii) Trường hợp là tổ chức được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật về ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm;

ix) Không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 (hai) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

ix) Trường hợp là ngân hàng thương mại:

+ Có tổng tài sản tối thiểu là 100.000 tỷ đồng, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

+ Không vi phạm các tỷ lệ về đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

+ Tuân thủ điều kiện, giới hạn mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 8 Điều 111 Luật Các tổ chức tín dụng;

+ Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu sau khi góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần;

+ Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng và không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

3.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

- Căn cứ Nghị định số 162/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

+ Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

+ *Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;*

Phụ lục số 04**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 162/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

Căn cứ Biên bản cuộc họp cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu là ngân hàng ... (đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) ngày ... tháng ... năm ... về việc thành lập Ngân hàng...;

Nay, các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập của Ngân hàng ... thay mặt các cổ đông (thành viên) góp vốn thành lập hoặc chủ sở hữu là ngân hàng... đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại với các nội dung sau đây:

1. Tên của Ngân hàng:
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:
2. Tên tỉnh, thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chính:
3. Nội dung hoạt động:
4. Thời gian hoạt động:

5. Vốn điều lệ: ...đồng (bằng chữ...), trong đó tỷ lệ góp vốn của các cổ đông (thành viên) sáng lập như sau:

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Số GP hoặc số đăng ký kinh doanh hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, số định danh cá nhân, số hộ chiếu	Số điện thoại	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty A				
2	Nguyễn Văn B				
3					

6. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại (nêu rõ họ, tên và các chức danh đề nghị chấp thuận của từng thành viên).

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.
- Thực hiện đăng ký ngày khai trương và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- Các cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng Việt Nam khác.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ của ngân hàng.

..., ngày... tháng... năm ...

Các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu Ngân hàng...

(Cổ đông sáng lập là cá nhân ký và ghi đầy đủ họ và tên; Cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu là tổ chức do người đại diện theo pháp luật ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên)

Phụ lục số 07**MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH TỰ KHAI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-----**SƠ YẾU LÝ LỊCH****1. Thông tin cá nhân**

- Họ và tên:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Nơi sinh:

Ảnh hộ
chiếu
(4x6)

- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện (trường hợp là người đại diện của pháp nhân):

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm)

3. Quá trình công tác:

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay), làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính.

- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại ngân hàng và các tổ chức khác.

- Đơn vị công tác; chức vụ; các trách nhiệm chính (liệt kê các đơn vị công tác và chức danh nắm giữ tại các đơn vị này đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Phần vốn góp, cổ phần dự kiến sở hữu (trường hợp cổ đông là cá nhân) hoặc dự kiến được ủy quyền, ủy thác đứng tên (trường hợp là người đại diện của pháp nhân).

5. Mối quan hệ (nếu là cổ đông sáng lập, người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm người quản lý, điều hành và một số chức danh khác của ngân hàng thương mại): Kê khai mối quan hệ với người có liên quan theo quy định tại khoản 24 Điều 4, khoản 3 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng.

6. Thông tin về cầm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có/không cung cấp được thông tin này);

7. Tôi,..... xin cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

..., ngày ... tháng ... năm....

Người khai

(Ký và ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Phụ lục số 08**MẪU DANH SÁCH CÁC CỔ ĐÔNG GÓP VỐN THÀNH LẬP
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG GÓP VỐN THÀNH LẬP NGÂN HÀNG...

STT	Thông tin về tổ chức, cá nhân	Số điện thoại	Giá trị vốn góp	Số cổ phần	Loại cổ phần	Tỷ lệ vốn góp
I. Cổ đông sáng lập:						
Tổ chức						
1	Công ty A					
2						
Cá nhân						
3	Nguyễn Văn A					
4						
II. Cổ đông góp vốn khác						
Tổ chức						
5	Công ty B					
6						
Cá nhân						
7	Nguyễn Văn B					
8						

Trưởng Ban trụ bị
(Ký và ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI

1. Thông tin về tổ chức bao gồm:
 - a) Thông tin về tổ chức:
 - Tên tổ chức:
 - Địa điểm đặt trụ sở chính:

- Số Giấy phép thành lập hoặc đăng ký kinh doanh hoặc văn bản tương đương, cơ quan cấp, ngày cấp:

b) Thông tin về người đại diện vốn góp:

- Họ và tên:

- Ngày tháng năm sinh:

- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

2. Thông tin về cá nhân bao gồm:

- Họ và tên:

- Ngày tháng năm sinh:

- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

Phụ lục số 09**MẪU ĐƠN MUA CỔ PHẦN ĐỐI VỚI CÁ NHÂN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN MUA CỔ PHẦN

Kính gửi: Ban trụ bị thành lập Ngân hàng...

1. Cá nhân đề nghị mua cổ phần:

- Họ và tên (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa):

- Ngày tháng năm sinh:

- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:

- Số điện thoại:

2. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua, loại cổ phần, giá trị, tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ:

- Thời gian nộp tiền:

3. Tình hình góp vốn, mua cổ phần tại các tổ chức khác:

- Tên tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà cá nhân đang có vốn góp:

- Số vốn đã góp và tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đó:

4. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ của Ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan, tôi xin cam kết:

a) Mua đủ số cổ phần và góp đúng thời hạn đã đăng ký;

b) Không sử dụng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp

vốn, không góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức;
Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp thành lập ngân hàng;

c) Tuân thủ các quy định tại Điều lệ của Ngân hàng, các quy định nội bộ của ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm (nếu có).

Người mua cổ phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 10**MẪU ĐƠN MUA CỔ PHẦN ĐỐI VỚI TỔ CHỨC**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN MUA CỔ PHẦN

Kính gửi: Ban trụ bị thành lập Ngân hàng...

1. Tổ chức đề nghị mua cổ phần:

- Tên tổ chức (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa):
- Số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh, cơ quan cấp, ngày cấp:

- Vốn điều lệ:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Số điện thoại:

Số Fax (nếu có):

2. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên:

- Ngày tháng năm sinh:

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức:

- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

3. Người được cử làm đại diện ủy quyền của tổ chức tại ngân hàng thương mại cổ phần:

- Họ và tên:

- Ngày tháng năm sinh:

- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:

- Mối liên hệ với tổ chức (trong trường hợp không làm việc cho tổ chức đó):

- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

4. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua, loại cổ phần, giá trị, tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ:

- Thời gian nộp tiền:

5. Tình hình góp vốn, mua cổ phần tại các tổ chức khác:

- Tên tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà tổ chức đang có vốn góp:

- Số vốn đã góp và tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đó:

6. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ của Ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan, chúng tôi xin cam kết:

a) Mua đủ số cổ phần và góp đúng thời hạn đã đăng ký;

b) Không sử dụng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp thành lập ngân hàng;

c) Không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 (hai) năm liền kề trước thời điểm nộp đơn.

d) Tuân thủ các quy định tại Điều lệ của Ngân hàng, các quy định nội bộ của ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm (nếu có).

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục số 11
BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
VÀ TÌNH HÌNH THAM GIA GÓP VỐN THÀNH LẬP NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai (tổ chức, cá nhân góp vốn thành lập ngân hàng) và “người có liên quan”	Mối quan hệ với người khai	Đã tham gia thành lập ngân hàng		Tỷ lệ vốn góp/Vốn ĐL khi thành lập của ngân hàng TMCP...
			Tên ngân hàng	Tỷ lệ sở hữu/vốn ĐL của ngân hàng (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	Nguyễn Văn A	Người khai			
2.	Nguyễn Thị B	Vợ			
3.	Công ty X	Là công ty do ông A là CTHĐQT, giám đốc...			
...					
Tổng cộng				% (chi tiết từng ngân hàng)	%

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai (7)
(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai tại (2): kê khai toàn bộ mối quan hệ “người có liên quan” theo quy định tại khoản 24 Điều 4, khoản 3 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

2. Đối với phần kê khai tại (3): Ghi rõ mối quan hệ với người khai.

3. Đối với phần kê khai tại (4): Ghi rõ tên các ngân hàng đã tham gia góp vốn.

4. Đối với phần kê khai tại (7): Nếu là pháp nhân, người ký tên người khai là đại diện cho pháp nhân và đóng dấu; Nếu là cá nhân, chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

5. Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có, trường hợp người có liên quan đã mất ghi rõ đã mất.

Phụ lục số 12**MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
LÀ CÁ NHÂN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢNG KÊ KHAI TÀI SẢN**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Họ và tên Người kê khai tài sản:
- Ngày tháng năm sinh:
- Số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú):
- Cơ quan/đơn vị công tác hoặc nơi làm việc:

T	Loại tài sản	Thông tin mô tả về tài sản
1	Nhà, công trình xây dựng	- Số lượng:cái 1.1. Nhà thứ nhất: + Loại nhà:..... + Diện tích đất:.....m2 + Diện tích đất xây dựng:m2 + Diện tích sử dụng:m2 + Địa chỉ:..... (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy chủ quyền theo quy định của pháp luật) + Trị giá ngôi nhà và đất theo giá thị trường:..... 1.2. Nhà thứ hai: + Loại nhà:..... + Diện tích đất:m2 + Diện tích đất xây dựng:m2 + Diện tích sử dụng:m2 + Địa chỉ:..... (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy chủ quyền theo quy

		định của pháp luật) + Trị giá ngôi nhà và đất theo giá thị trường:..... 1.3. Nhà thứ:
2	Quyền sử dụng đất	- Số lượng:thửa 2.1. Thừa thứ nhất: + Loại đất:..... + Diện tích:.....m2 + Địa chỉ:..... (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật) + Trị giá thừa đất theo giá thị trường: 2.2. Thừa thứ hai: + Loại đất:..... + Diện tích:.....m2 + Địa chỉ:..... (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật) + Trị giá thừa đất theo giá thị trường: 2.3. Thừa thứ:;
3	Tài sản ở nước ngoài	- Động sản: (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan) + Tên: + Số lượng: + Trị giá theo giá thị trường: - Bất động sản: (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan) + Tên: + Địa chỉ: + Trị giá theo giá thị trường:
4	Tài khoản ở nước ngoài	(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan) - Ngân hàng mở tài khoản:..... - Số dư tài khoản vào thời điểm kê khai:.....
5	Mô tô, ô tô, tàu, thuyền có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên	(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy đăng ký của cơ quan chức năng) - Chủng loại, nhãn hiệu:

		- Số lượng: - Tổng giá trị theo giá thị trường:
6	Kim khí quý, đá quý có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên	(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan nếu có) - Tổng giá trị ước tính:
7	Tiền, sổ tiết kiệm, cổ phiếu, trái phiếu, các công cụ chuyển nhượng khác có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên	Tiền mặt: Tổng giá trị:..... Tiền gửi tại ngân hàng, tổ chức tín dụng (tài khoản, sổ tiết kiệm, sổ tín dụng...): (Đính kèm bản sao có chứng thực của ngân hàng) Tổng giá trị:..... Cổ phiếu: (Đính kèm bản sao có chứng thực của công ty phát hành hoặc công ty chứng khoán) Tổng giá trị theo mệnh giá..... Tổng giá trị theo giá thị trường (Sàn giao dịch, OTC): Trái phiếu: (Đính kèm bản sao có chứng thực của cơ quan phát hành hoặc công ty chứng khoán) Tổng giá trị theo mệnh giá..... Tổng giá trị theo giá thị trường (Sàn giao dịch, OTC):..... Các công cụ chuyển nhượng khác: Tổng giá trị theo mệnh giá..... Tổng giá trị theo giá thị trường:.....
8	Tài sản khác có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên	(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan) - Tên: ... - Số lượng: ... - Tổng giá trị ước tính:
9	Vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân	(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan) - Khoản vay thứ nhất: Hợp đồng số tại Ngân hàng TMCP A; Giá trị khoản vay:.....; Tài sản đảm bảo:; Dư nợ đến thời điểm hiện tại:..... (bằng chữ.....). - Khoản vay thứ hai: Hợp đồng số tại Ngân hàng TMCP A; Giá trị khoản vay:.....; Tài sản đảm bảo:; Dư nợ đến thời điểm hiện tại:..... (bằng chữ.....).

		- Khoản vay thứ n:
--	--	--------------------------

Tôi cam kết Bản tự kê khai tài sản trên đây là trung thực, đầy đủ. Nếu khai man, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người kê khai tài sản, thu nhập

(Ký, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai về nhà, công trình xây dựng khác:

- Không phải kê khai nhà công vụ
- Nhà, công trình xây dựng phải kê khai gồm: nhà ở, nhà xưởng, nhà hàng, câu lạc bộ, các công trình xây dựng khác....
- Nhà, công trình xây dựng tiếp theo (nếu có) thì kê khai như nhà, công trình xây dựng thứ nhất, thứ hai.

2. Đối với phần kê khai 5, 6, 7, 8:

Chỉ kê khai nếu tổng giá trị của mỗi loại tài sản từ 100 triệu đồng trở lên. Ví dụ: có 3 xe máy, nếu tổng giá trị của 3 xe máy từ 100 triệu đồng trở lên thì phải kê khai, nếu tổng giá trị của 3 xe máy dưới 100 triệu đồng thì không phải kê khai.

3. Đối với tài sản chung theo phần:

Kê khai rõ được phần thuộc sở hữu của người kê khai, giá trị ước tính của phần tài sản đó.

Phụ lục số 13

**BẢNG XÁC ĐỊNH KHẢ NĂNG VỀ TÀI CHÍNH ĐỂ GÓP VỐN THÀNH
LẬP NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC KHÔNG PHẢI
LÀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG XÁC ĐỊNH KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Cách xác định khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng

A- Công thức tính khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng:

1.1. Công thức tổng quát:

<i>Khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại</i>	=	<i>Vốn chủ sở hữu</i>	-	<i>Đầu tư dài hạn được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu</i>
--	---	---------------------------	---	---

1.2. Công thức cụ thể:

$$A = E - LI \quad (1) \text{ và}$$

$$LI = LA - LD \quad (2)$$

Trong đó:

+ A: Khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại của tổ chức

+ E: Vốn chủ sở hữu

+ LI: Đầu tư dài hạn được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu

+ LD: Phần Nợ dài hạn dùng để đầu tư Tài sản dài hạn

+ LA: Tài sản dài hạn

* Nếu $A \geq$ Số vốn phải góp vào ngân hàng thương mại theo cam kết của tổ chức thì tổ chức có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại.

* Nếu $A < \text{Số vốn phải góp vào ngân hàng thương mại theo cam kết của tổ chức}$ thì tổ chức không có đủ khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại.

B- Ví dụ minh họa:

Theo Đề án, Công ty X sẽ góp 100 tỷ VND để thành lập ngân hàng thương mại Y. Phân tích nguồn vốn để Công ty X góp thành lập ngân hàng thương mại Y dựa trên bảng cân đối kế toán vào ngày 31/7/2007 như sau:

Đơn vị: tỷ VND

TT	Tài sản		TT	Nguồn vốn	
I.	Tài sản ngắn hạn	1.092,42	I.	Nợ phải trả	664,88
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	771,90	1.	Nợ ngắn hạn	517,18
2.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	2.	Nợ dài hạn	147,70
3.	Các khoản phải thu ngắn hạn	377,87			
4.	Hàng tồn kho	0,08			
5.	Tài sản ngắn hạn khác	2,57			
II.	Tài sản dài hạn	1.530,90	II.	Vốn chủ sở hữu	1.958,44
1.	Các khoản phải thu dài hạn	0	1.	Vốn chủ sở hữu	1.900
2.	Tài sản cố định	26,02	2.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	58,44
3.	Bất động sản đầu tư	0			
4.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.504,78			
5.	Tài sản dài hạn khác	0,10			
	Cộng	2.623,32		Cộng	2.623,32

Vận dụng công thức (1) và (2) để xác định khả năng về tài chính của Công ty X để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại Y, ta có:

Đầu tư dài hạn được tài trợ bởi Vốn chủ sở hữu (LI)		Vốn chủ sở hữu (E)	
Tài sản dài hạn (LA)	1.530,90 tỷ VND	Vốn chủ sở hữu	1.900 tỷ VND
Phần Nợ dài hạn dùng để đầu tư Tài sản dài hạn (LD)*	147,70 tỷ VND		
LI = LA-LD	1.383,2 tỷ VND	E	1.900 tỷ VND

A = E-LI			516,8 tỷ VND
----------	--	--	--------------

So sánh A (516,8 tỷ VND) với Số vốn phải góp vào ngân hàng thương mại Y theo cam kết của Công ty X (100 tỷ VND) có thể thấy Công ty X có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại Y (516,8 tỷ VND > 100 tỷ VND).

Chú ý:

* Nếu trong Thuyết minh báo cáo tài chính của tổ chức chưa thuyết minh rõ về khoản mục Phần Nợ dài hạn dùng để đầu tư Tài sản dài hạn (tài sản cố định, đầu tư tài chính dài hạn,...) thì cần yêu cầu tổ chức có văn bản thuyết minh rõ về khoản mục này.

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục số 14**VĂN BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ NGHĨA VỤ THUẾ,
BẢO HIỂM XÃ HỘI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

TÊN TỔ CHỨC Số:/..... <i>V/v cam kết đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm</i>	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ..., ngày ... tháng ... năm ...
---	--

**VĂN BẢN CAM KẾT ĐÃ THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ NGHĨA VỤ THUẾ,
BẢO HIỂM XÃ HỘI****Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

Căn cứ Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày ... tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

Tên tổ chức:

Mã số thuế:

Trụ sở chính:

Điện thoại:

Đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Bằng văn bản này, *tên tổ chức* xin cam kết: Tính tới thời điểm hiện tại, *tên tổ chức* đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội với cơ quan nhà nước.

Tên tổ chức xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ các nội dung tại cam kết này.

Trân trọng cảm ơn./.

Đại diện theo pháp luật của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

4. Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần sau khi chấp thuận nguyên tắc

4.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng thương mại, Ban trụ bị lập các văn bản bổ sung theo quy định tại Điều 10, khoản 4 Điều 12 Thông tư số 56/2024/TT-NHNN và gửi Ngân hàng Nhà nước. Quá thời hạn nêu trên, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hoặc nhận được không đầy đủ các văn bản bổ sung thì văn bản chấp thuận nguyên tắc đương nhiên không còn giá trị.

- **Bước 2:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận đầy đủ văn bản bổ sung.

- **Bước 3:** Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước tiến hành cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời Ban trụ bị, trong đó nêu rõ lý do không cấp Giấy phép.

4.2. Cách thức thực hiện:

- *Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có);*

- Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);

- Dịch vụ bưu chính.

4.3. Thành phần hồ sơ:

Các văn bản nộp bổ sung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc:

+ Điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

+ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên;

+ Biên bản họp Hội đồng quản trị thông qua các nội dung về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị; Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát;

+ Quyết định của Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng;

+Danh sách các cổ đông góp vốn thành lập theo mẫu quy định tại Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN;

+Văn bản của ngân hàng thương mại nơi Ban trụ bị mở tài khoản góp vốn xác nhận số tiền góp vốn của các cổ đông góp vốn thành lập;

+Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp trụ sở chính của ngân hàng thương mại cổ phần;

+ Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại cổ phần quy định tại điểm i khoản 3 Điều 11 Thông tư số 56/2024/TT-NHNN đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua;

+ Báo cáo của cổ đông sáng lập là ngân hàng thương mại trong nước về việc đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp bổ sung văn bản;

+ Các văn bản khác có liên quan đến cấp Giấy phép.

+ Danh mục tài liệu.

Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao có chứng thực, bản sao được cấp từ số gốc thì phải xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu, người đối chiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

4.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ bằng tiếng Việt, trừ trường hợp Thông tư số 56/2024/TT-NHNN có quy định khác.

4.5. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

4.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).

4.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần (theo mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm Thông tư số 56/2024/TT-NHNN).

4.9. Lệ phí: 140.000.000 đồng (Từ ngày 01/07/2025 đến hết ngày 31/12/2026, mức lệ phí bằng 50% mức phí nêu trên theo quy định tại Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.)

4.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

4.11. Yêu cầu, điều kiện:

- Có vốn điều lệ, vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định;

- Chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là pháp nhân đang hoạt động hợp pháp và có đủ năng lực tài chính để tham gia góp vốn; cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có cam kết đủ khả năng tài chính để góp vốn;

- Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Có điều lệ phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, bảo đảm không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng, không tạo ra sự

độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.

- Điều kiện đối với cổ đông sáng lập:

+ Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác;

+ Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% vốn điều lệ khi thành lập ngân hàng thương mại cổ phần, trong đó các cổ đông sáng lập là pháp nhân phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% tổng số cổ phần của các cổ đông sáng lập nhưng không vượt quá tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều 63 Luật Các tổ chức tín dụng;

+ Ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, cổ đông sáng lập là cá nhân phải đáp ứng các điều kiện sau:

i) Mang quốc tịch Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

ii) Không thuộc những đối tượng bị cấm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Cán bộ, công chức và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

iii) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không được góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác góp vốn, mua cổ phần;

iv) Là người quản lý doanh nghiệp kinh doanh có lãi trong ít nhất 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoặc có bằng đại học, trên đại học chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.

v) Không bị kết án về tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng mà chưa được xóa án tích; không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, mua trái phiếu doanh nghiệp trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

+ Ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, cổ đông sáng lập là tổ chức phải đáp ứng các điều kiện sau:

i) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam;

ii) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không được góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác góp vốn, mua cổ phần;

iii) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

iv) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 500 tỷ đồng trong 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

v) Kinh doanh có lãi trong 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

vi) Trường hợp là doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

vii) Trường hợp là doanh nghiệp nhà nước, phải được phép tham gia góp vốn theo quy định của pháp luật;

viii) Trường hợp là tổ chức được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật về ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm;

ix) Không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 (hai) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

ix) Trường hợp là ngân hàng thương mại:

+ Có tổng tài sản tối thiểu là 100.000 tỷ đồng, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

+ Không vi phạm các tỷ lệ về đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

+ Tuân thủ điều kiện, giới hạn mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 8 Điều 111 Luật Các tổ chức tín dụng;

+ Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu sau khi góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần;

+ Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng và không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

4.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

- Căn cứ Nghị định số 162/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

+ Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

+ *Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;*

+ Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng, giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

+ *Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.*

5. Thủ tục đề nghị chấp thuận nguyên tắc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài

5.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Ban trụ bị lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép được lập theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước.

- **Bước 2:** Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ để xem xét chấp thuận nguyên tắc hoặc yêu cầu bổ sung trong trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa đầy đủ, hợp lệ.

- **Bước 3:** Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài trên cơ sở ý kiến của các cơ quan liên quan. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời Ban trụ bị, trong đó nêu rõ lý do không chấp thuận.

5.2. Cách thức thực hiện:

- *Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có);*

- Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);

- Dịch vụ bưu chính.

5.3. Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại do các cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập ký theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN.

2. Dự thảo Điều lệ.

3. Đề án thành lập ngân hàng thương mại, bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

a) Sự cần thiết thành lập ngân hàng thương mại;

b) Tên ngân hàng thương mại, tên tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở chính, thời gian hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động;

c) Năng lực tài chính của các cổ đông sáng lập, cổ đông góp vốn thành lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, thành viên góp vốn;

d) Sơ đồ tổ chức và mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại dự kiến trong 03 năm đầu tiên;

đ) Danh sách nhân sự dự kiến trong đó mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán và kiểm toán đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí, chức danh

(i) Chủ tịch, thành viên, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên; Trưởng ban các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên;

(ii) Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát;

(iii) Tổng giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu tổ chức;

e) Chính sách quản lý rủi ro: Nhận diện, đo lường, phòng ngừa, quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro thanh khoản, rủi ro tập trung và các rủi ro khác phát sinh từ các hoạt động trọng yếu và trong quá trình hoạt động;

g) Công nghệ thông tin:

(i) Dự kiến đầu tư tài chính cho công nghệ thông tin;

(ii) Hệ thống công nghệ thông tin phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành, quản lý rủi ro của ngân hàng thương mại và các quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(iii) Khả năng áp dụng công nghệ thông tin, trong đó nêu rõ: thời gian thực hiện đầu tư công nghệ; loại hình công nghệ dự kiến áp dụng; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin; bảo đảm hệ thống thông tin có thể tích hợp và kết nối với hệ thống quản lý của Ngân hàng Nhà nước để cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước;

(iv) Hồ sơ về hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động của ngân hàng thương mại;

(v) Các giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật tương ứng với loại hình dịch vụ dự kiến triển khai; các giải pháp về đảm bảo hoạt động liên tục của hệ thống công nghệ thông tin;

(vi) Nhận diện, đo lường và triển khai phương án quản lý rủi ro đối với công nghệ dự kiến áp dụng trong lĩnh vực hoạt động của ngân hàng thương mại;

(vii) Dự kiến phân công trách nhiệm báo cáo và kiểm soát hoạt động hệ thống công nghệ thông tin;

h) Khả năng đứng vững và phát triển của ngân hàng trên thị trường:

(i) Phân tích và đánh giá thị trường ngân hàng, trong đó nêu được thực trạng, thách thức và triển vọng;

(ii) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường của ngân hàng, trong đó chứng minh được lợi thế của ngân hàng khi tham gia thị trường;

(iii) Chiến lược phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động và nội dung hoạt động ngân hàng, loại khách hàng và số lượng khách hàng. Trong đó, phân tích chi tiết việc đáp ứng các điều kiện đối với những nội dung hoạt động có điều kiện;

i) Hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống kiểm toán nội bộ:

(i) Nguyên tắc hoạt động và yêu cầu của hệ thống kiểm soát nội bộ;

(ii) Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của ngân hàng, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định sau: Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Người điều hành; Quy định về tổ chức và hoạt động của trụ sở chính, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc khác;

(iii) Nội dung và quy trình hoạt động của kiểm toán nội bộ;

k) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch kinh doanh, các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm).

4. Tài liệu chứng minh năng lực của bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến:

a) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VieID theo hướng dẫn của Bộ Công an: không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Phiếu lý lịch tư pháp:

(i) Đối với nhân sự dự kiến có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

(ii) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng;

(iii) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại điểm b(i) và b(ii) phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép không quá 06 tháng;

Nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);

c) Các văn bằng chứng minh trình độ chuyên môn;

d) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật;

đ) Trường hợp người dự kiến được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên, phải có văn bản cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cư trú và làm việc tại Việt Nam.

5. Biên bản cuộc họp cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu về việc lựa chọn Ban trụ bị, Trưởng Ban trụ bị, thông qua dự thảo Điều lệ, đề án thành lập ngân hàng thương mại và danh sách các chức danh quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến và lựa chọn Ban trụ bị, Trưởng Ban trụ bị.

6. Hồ sơ của chủ sở hữu, thành viên sáng lập là tổ chức tín dụng nước ngoài:

a) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

b) Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản tương đương;

c) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cung cấp thông tin về tổ chức tín dụng nước ngoài như sau:

(i) Nội dung hoạt động được phép tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(ii) Tình hình tuân thủ pháp luật về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác trong vòng 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(ii) Tỷ lệ an toàn vốn và các tỷ lệ đảm bảo an toàn khác theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iii) Tình hình tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

d) Văn bản hoặc tài liệu của tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng tín nhiệm đối với tổ chức tín dụng nước ngoài trong thời hạn 06 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ;

đ) Điều lệ của tổ chức tín dụng nước ngoài;

e) Báo cáo quá trình thành lập, hoạt động và định hướng phát triển của tổ chức tín dụng nước ngoài cho đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

g) Quyết định bổ nhiệm người đại diện vốn góp tại ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài của tổ chức tín dụng nước ngoài theo quy định của pháp luật kèm theo bản sao hộ chiếu của người đại diện vốn góp.

7. Hồ sơ của thành viên sáng lập ngân hàng liên doanh là ngân hàng thương mại Việt Nam, doanh nghiệp không phải là ngân hàng gồm các giấy tờ, tài liệu quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Thông tư số 56/2024/TT-NHNN, trừ đơn mua cổ phần.

8. Hợp đồng liên doanh có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật; hợp đồng thỏa thuận góp vốn giữa các thành viên sáng lập đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

a) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định tại Phụ lục số 11 Thông tư số 56/2024/TT-NHNN.

b) Giấy phép thành lập hoặc văn bản tương đương;

c) Hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật và người đại diện vốn góp của tổ chức tại ngân hàng (đối với người không có quốc tịch Việt Nam);

d) Điều lệ của tổ chức;

đ) Báo cáo tài chính năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và Báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán độc lập bởi doanh nghiệp kiểm toán thuộc danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do cơ quan có thẩm quyền công bố và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

e) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập phải có thêm các văn bản sau:

(i) Sơ yếu lý lịch của người đại diện vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN; Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; *Cổ đông sáng lập được xuất trình Phiếu lý lịch tư*

pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân (đối với người có quốc tịch Việt Nam) được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an, không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/ND-CP của Chính phủ.

(ii) Báo cáo tài chính 05 năm liên tiếp liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán độc lập bởi doanh nghiệp kiểm toán thuộc danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do cơ quan có thẩm quyền công bố và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

(iii) Văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận cho góp vốn thành lập ngân hàng đối với trường hợp tổ chức là doanh nghiệp Nhà nước;

h) Bản gốc Bảng xác định khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần của tổ chức không phải là tổ chức tín dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN;

1) Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện về việc thực hiện nghĩa vụ thuế và bảo hiểm xã hội: Văn bản cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội của tổ chức theo Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN, Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước, Văn bản của cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội của tổ chức.

9. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cam kết bảo đảm khả năng giám sát toàn bộ hoạt động của ngân hàng nước ngoài (bao gồm cả hoạt động của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam) trên cơ sở hợp nhất theo thông lệ quốc tế.

10. Văn bản cam kết của chủ sở hữu, các thành viên sáng lập về việc:

a) Hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài;

b) Đảm bảo duy trì giá trị thực của vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài không thấp hơn mức vốn pháp định và đáp ứng đầy đủ các quy định về an toàn hoạt động theo quy định của ngân hàng Nhà nước.

5.4. Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ bằng tiếng Việt và 01 bộ bằng tiếng Anh) trừ trường hợp Thông tư số 56/2024/TT-NHNN có quy định khác, trong đó:

a) Bộ hồ sơ tiếng Anh phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ các tài liệu sau đây:

(1) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở chính gửi trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước;

(ii) Các báo cáo tài chính được lập trực tiếp bằng tiếng Anh;

b) Các bản dịch từ tiếng Anh ra tiếng Việt phải được chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về chứng thực của pháp luật Việt Nam trừ tài liệu quy định tại điểm c khoản này,

c) Bản dịch các báo cáo tài chính phải được xác nhận của tổ chức, cá nhân được phép hành nghề dịch thuật theo quy định của pháp luật;

d) Các văn bản tiếng Việt là bản gốc (hoặc sao từ bản gốc tiếng Việt) được lập tại Việt Nam không cần phải dịch ra tiếng Anh.

5.5. Thời hạn giải quyết: 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

5.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).

5.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận/ không chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài

5.9. Lệ phí: Không

5.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại (Phụ lục số 04).

+ Sơ yếu lý lịch tự khai (Phụ lục số 07).

+ Bảng kê khai người có liên quan và tình hình tham gia góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần (Phụ lục số 11).

+ Văn bản cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội của tổ chức (Phụ lục số 14).

5.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có vốn điều lệ, vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định.

- Chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là pháp nhân đang hoạt động hợp pháp và có đủ năng lực tài chính để tham gia góp vốn; cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có cam kết đủ khả năng tài chính để góp vốn.

- Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 41 của Luật các tổ chức tín dụng.

- Có Điều lệ phù hợp với quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, bảo đảm không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng, không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.

- Tổ chức tín dụng nước ngoài được phép thực hiện hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính.

- Hoạt động dự kiến thực hiện tại Việt Nam phải là hoạt động mà tổ chức tín dụng nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính.

- Tổ chức tín dụng nước ngoài đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đáp ứng các quy định về bảo đảm an toàn hoạt động theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính.

- Tổ chức tín dụng nước ngoài phải có văn bản cam kết hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài; bảo đảm tổ chức tín dụng này duy trì giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính đã ký kết thỏa thuận với Ngân hàng Nhà nước về thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng, trao đổi thông tin giám sát an toàn ngân hàng và có văn bản cam kết giám sát hợp nhất theo thông lệ quốc tế đối với hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài.

* Điều kiện đối với chủ sở hữu:

- Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

- Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng như sau:

+ Thứ hạng tín nhiệm từ mức AA- trở lên (theo Standard & Poor's hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức Aa3 trở lên (theo Moody's) đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế có thang thứ hạng tín nhiệm khác thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings thì mức xếp hạng tín nhiệm không thấp hơn mức xếp hạng tương ứng của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings;

+ Triển vọng của thứ hạng tín nhiệm quy định tại điểm a khoản này từ mức ổn định trở lên.

- Kinh doanh có lãi trong 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

- Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

- Được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

- Không phải là chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng Việt Nam khác.

- Thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh là ngân hàng thương mại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 4 Nghị định của Chính phủ về điều kiện cấp phép của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, các thành viên sáng lập phải cùng nhau sở hữu 100% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

* Điều kiện đối với thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh:

- Thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh là tổ chức tín dụng nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 5 Nghị định 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024 như sau:

+ Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

+ Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng như sau:

(i) Thứ hạng tín nhiệm từ mức AA- trở lên (theo Standard & Poor's hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức Aa3 trở lên (theo Moody's) đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế có thang thứ hạng tín nhiệm khác thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings thì mức xếp hạng tín nhiệm không thấp hơn mức xếp hạng tương ứng của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings;

(ii) Triển vọng của thứ hạng tín nhiệm quy định tại điểm a khoản này từ mức ổn định trở lên.

+ Kinh doanh có lãi trong 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

+ Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

+ Được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

+ Không phải là chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng Việt Nam khác.

- Thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh là ngân hàng thương mại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện đối với ngân hàng thương mại quy định tại khoản 1, 4 Điều 4 Nghị định 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024 như sau:

+ Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác.

+ Ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 Nghị định 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024, cổ đông sáng lập là tổ chức phải đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam;

(ii) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không được góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác góp vốn, mua cổ phần;

(iii) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iv) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 500 tỷ đồng trong 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

(v) Kinh doanh có lãi trong 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

(vi) Trường hợp là doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(vii) Trường hợp là doanh nghiệp nhà nước, phải được phép tham gia góp vốn theo quy định của pháp luật;

(viii) Trường hợp là tổ chức được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật về ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm;

(ix) Không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 (hai) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

(x) Trường hợp là ngân hàng thương mại:

Có tổng tài sản tối thiểu là 100.000 tỷ đồng, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại thời điểm nộp

hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

Không vi phạm các tỷ lệ về đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

Tuân thủ điều kiện, giới hạn mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 8 Điều 111 Luật Các tổ chức tín dụng;

Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu sau khi góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần;

Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng và không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

- Thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh là doanh nghiệp không phải ngân hàng phải đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc pháp luật nước ngoài;

(ii) Phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản cho phép tham gia góp vốn vào ngân hàng liên doanh đối với trường hợp là doanh nghiệp Nhà nước;

(iii) Trường hợp là doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật về ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm;

(iv) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 1.000 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 2.000 tỷ đồng trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đối với phần vốn góp từ trên 1% đến dưới 5% vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh hoặc có vốn chủ sở hữu tối thiểu 200 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 400 tỷ đồng trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đối với phần vốn góp từ 1% vốn điều lệ trở xuống của ngân hàng liên doanh;

(v) Đối với doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán của năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(vi) Kinh doanh có lãi trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

(vii) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn;

(viii) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(ix) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

(x) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng và không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

- Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, các thành viên sáng lập phải cùng nhau sở hữu 100% vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh.

* Điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính đối với tổ chức tín dụng nước ngoài khi đề nghị cấp Giấy phép thành lập ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài

Khi đề nghị cấp Giấy phép, tổ chức tín dụng nước ngoài là thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh, chủ sở hữu của ngân hàng 100% vốn nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính sau đây:

a) Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép;

b) Kinh doanh có lãi trong 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép.

5.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

- Căn cứ Nghị định số 162/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

+ Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

+ *Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;*

Phụ lục số 04**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 162/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

Căn cứ Biên bản cuộc họp cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu là ngân hàng ... (đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) ngày ... tháng ... năm ... về việc thành lập Ngân hàng...;

Nay, các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập của Ngân hàng ... thay mặt các cổ đông (thành viên) góp vốn thành lập hoặc chủ sở hữu là ngân hàng... đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại với các nội dung sau đây:

1. Tên của Ngân hàng:
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:
2. Tên tỉnh, thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chính:
3. Nội dung hoạt động:
4. Thời gian hoạt động:

5. Vốn điều lệ: ...đồng (bằng chữ...), trong đó tỷ lệ góp vốn của các cổ đông (thành viên) sáng lập như sau:

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Số GP hoặc số đăng ký kinh doanh hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, số định danh cá nhân, số hộ chiếu	Số điện thoại	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty A				
2	Nguyễn Văn B				
3					

6. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại (nêu rõ họ, tên và các chức danh đề nghị chấp thuận của từng thành viên).

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.
- Thực hiện đăng ký ngày khai trương và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- Các cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng Việt Nam khác.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ của ngân hàng.

..., ngày... tháng... năm ...

Các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu Ngân hàng...

(Cổ đông sáng lập là cá nhân ký và ghi đầy đủ họ và tên; Cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu là tổ chức do người đại diện theo pháp luật ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên)

Phụ lục số 07**MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH TỰ KHAI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-----**SƠ YẾU LÝ LỊCH****1. Thông tin cá nhân**

- Họ và tên:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Nơi sinh:

- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện (trường hợp là người đại diện của pháp nhân):

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm)

3. Quá trình công tác:

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay), làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính.

- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại ngân hàng và các tổ chức khác.

- Đơn vị công tác; chức vụ; các trách nhiệm chính (liệt kê các đơn vị công tác và chức danh nắm giữ tại các đơn vị này đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Phần vốn góp, cổ phần dự kiến sở hữu (trường hợp cổ đông là cá nhân) hoặc dự kiến được ủy quyền, ủy thác đứng tên (trường hợp là người đại diện của pháp nhân).

Ảnh hộ
chiếu
(4x6)

5. Mỗi quan hệ (nếu là cổ đông sáng lập, người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm người quản lý, điều hành và một số chức danh khác của ngân hàng thương mại): Kê khai mối quan hệ với người có liên quan theo quy định tại khoản 24 Điều 4, khoản 3 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng.

6. Thông tin về cầm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có/không cung cấp được thông tin này);

7. Tôi,..... xin cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

..., ngày ... tháng ... năm....

Người khai

(Ký và ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Phụ lục số 11
BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
VÀ TÌNH HÌNH THAM GIA GÓP VỐN THÀNH LẬP NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai (tổ chức, cá nhân góp vốn thành lập ngân hàng) và “người có liên quan”	Mối quan hệ với người khai	Đã tham gia thành lập ngân hàng		Tỷ lệ vốn góp/Vốn ĐL khi thành lập của ngân hàng TMCP...
			Tên ngân hàng	Tỷ lệ sở hữu/vốn ĐL của ngân hàng (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	Nguyễn Văn A	Người khai			
2.	Nguyễn Thị B	Vợ			
3.	Công ty X	Là công ty do ông A là CTHĐQT, giám đốc...			
...					
Tổng cộng				% (chi tiết từng ngân hàng)	%

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai (7)
 (ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai tại (2): kê khai toàn bộ mối quan hệ “người có liên quan” theo quy định tại khoản 24 Điều 4, khoản 3 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

2. Đối với phần kê khai tại (3): Ghi rõ mối quan hệ với người khai.

3. Đối với phần kê khai tại (4): Ghi rõ tên các ngân hàng đã tham gia góp vốn.

4. Đối với phần kê khai tại (7): Nếu là pháp nhân, người ký tên người khai là đại diện cho pháp nhân và đóng dấu; Nếu là cá nhân, chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

5. Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có, trường hợp người có liên quan đã mất ghi rõ đã mất.

Phụ lục số 14**VĂN BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ NGHĨA VỤ THUẾ,
BẢO HIỂM XÃ HỘI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

TÊN TỔ CHỨC Số:/..... <i>V/v cam kết đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm</i>	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ..., ngày ... tháng ... năm ...
---	--

**VĂN BẢN CAM KẾT ĐÃ THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ NGHĨA VỤ THUẾ,
BẢO HIỂM XÃ HỘI****Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

Căn cứ Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày ... tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

Tên tổ chức:

Mã số thuế:

Trụ sở chính:

Điện thoại:

Đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Bằng văn bản này, *tên tổ chức* xin cam kết: Tính tới thời điểm hiện tại, *tên tổ chức* đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội với cơ quan nhà nước.

Tên tổ chức xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ các nội dung tại cam kết này.

Trân trọng cảm ơn./.

Đại diện theo pháp luật của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

6. Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài sau khi chấp thuận nguyên tắc

6.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, Ban trụ bị lập các văn bản bổ sung theo quy định tại Điều 10, khoản 7 Điều 13 Thông tư số 56/2024/TT-NHNN và gửi Ngân hàng Nhà nước. Quá thời hạn nêu trên, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hoặc nhận được không đầy đủ các văn bản bổ sung thì văn bản chấp thuận nguyên tắc đương nhiên không còn giá trị.

- **Bước 2:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận đầy đủ văn bản bổ sung.

- **Bước 3:** Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước tiến hành cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời Ban trụ bị, trong đó nêu rõ lý do không cấp Giấy phép.

6.2. Cách thức thực hiện:

- *Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có);*
- Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);
- Dịch vụ bưu chính.

6.3. Thành phần hồ sơ:

Sau khi nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc, Ban trụ bị phải nộp bổ sung các văn bản sau:

- a) Điều lệ của Ngân hàng đã được Hội đồng thành viên thông qua;
- b) Văn bản của một ngân hàng thương mại nơi Ban trụ bị mở tài khoản góp vốn xác nhận số tiền góp vốn của các thành viên sáng lập;
- c) Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp trụ sở chính của ngân hàng thương mại;
- d) Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài quy định tại điểm i khoản 3 Điều 11 Thông tư số 56/2024/TT-NHNN đã được Hội đồng thành viên thông qua;
- đ) Báo cáo của thành viên sáng lập là ngân hàng thương mại trong nước về việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp bổ sung văn bản;
- e) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính đánh giá chủ sở hữu, thành viên sáng lập là tổ chức tín

dụng nước ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp bổ sung văn bản;

g) Ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, Ban trụ bị thành lập ngân hàng 100% vốn nước ngoài là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải nộp bổ sung các văn bản sau:

(i) Quyết định của chủ sở hữu về việc bổ nhiệm Chủ tịch hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng;

(ii) Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát

h) Ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 7 Điều 13 Thông tư số 56/2024/TT-NHNN, Ban trụ bị thành lập ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải nộp bổ sung các văn bản sau:

(i) Biên bản cuộc họp Thành viên góp vốn đầu tiên;

(ii) Biên bản họp Hội đồng thành viên thông qua các nội dung về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên; Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu chức danh Trưởng Ban Kiểm soát;

(iii) Quyết định của Hội đồng thành viên về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng;

i) Các văn bản khác có liên quan đến cấp Giấy phép.

- Danh mục tài liệu.

Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao có chứng thực, bản sao được cấp từ số gốc thì phải xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu, người đối chiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

6.4. Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ bằng tiếng Việt và 01 bộ bằng tiếng Anh) trừ trường hợp Thông tư số 56/2024/TT-NHNN có quy định khác, trong đó:

a) Bộ hồ sơ tiếng Anh phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ các tài liệu sau đây:

(1) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở chính gửi trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước;

(ii) Các báo cáo tài chính được lập trực tiếp bằng tiếng Anh;

b) Các bản dịch từ tiếng Anh ra tiếng Việt phải được chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về chứng thực của pháp luật Việt Nam trừ tài liệu quy định tại điểm c khoản này,

c) Bản dịch các báo cáo tài chính phải được xác nhận của tổ chức, cá nhân được phép hành nghề dịch thuật theo quy định của pháp luật;

d) Các văn bản tiếng Việt là bản gốc (hoặc sao từ bản gốc tiếng Việt) được lập tại Việt Nam không cần phải dịch ra tiếng Anh.

6.5. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

6.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).

6.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm Thông tư số 56/2024/TT-NHNN).

6.9. Lệ phí: 140.000.000 đồng *(Từ ngày 01/07/2025 đến hết ngày 31/12/2026, mức lệ phí bằng 50% mức phí nêu trên theo quy định tại Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.)*

6.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

6.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có vốn điều lệ, vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định.
- Chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là pháp nhân đang hoạt động hợp pháp và có đủ năng lực tài chính để tham gia góp vốn; cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có cam kết đủ khả năng tài chính để góp vốn.
- Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 41 của Luật các tổ chức tín dụng.
- Có Điều lệ phù hợp với quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.
- Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, bảo đảm không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng, không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.
- Tổ chức tín dụng nước ngoài được phép thực hiện hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính.
- Hoạt động dự kiến thực hiện tại Việt Nam phải là hoạt động mà tổ chức tín dụng nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính.
- Tổ chức tín dụng nước ngoài đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đáp ứng các quy định về bảo đảm an toàn hoạt động theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính.
- Tổ chức tín dụng nước ngoài phải có văn bản cam kết hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài; bảo đảm tổ chức tín dụng này duy trì giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và thực

hiện các quy định về hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính đã ký kết thỏa thuận với Ngân hàng Nhà nước về thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng, trao đổi thông tin giám sát an toàn ngân hàng và có văn bản cam kết giám sát hợp nhất theo thông lệ quốc tế đối với hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài.

- * Điều kiện đối với chủ sở hữu:

- Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

- Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng như sau:

- + Thứ hạng tín nhiệm từ mức AA- trở lên (theo Standard & Poor's hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức Aa3 trở lên (theo Moody's) đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế có thang thứ hạng tín nhiệm khác thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings thì mức xếp hạng tín nhiệm không thấp hơn mức xếp hạng tương ứng của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings;

- + Triển vọng của thứ hạng tín nhiệm quy định tại điểm a khoản này từ mức ổn định trở lên.

- Kinh doanh có lãi trong 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

- Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

- Được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

- Không phải là chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng Việt Nam khác.

- Thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh là ngân hàng thương mại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 4 Nghị định của Chính phủ về điều kiện cấp phép của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, các thành viên sáng lập phải cùng nhau sở hữu 100% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

- * Điều kiện đối với thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh:

- Thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh là tổ chức tín dụng nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 5 Nghị định 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024 như sau:

+ Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

+ Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng như sau:

(i) Thứ hạng tín nhiệm từ mức AA- trở lên (theo Standard & Poor's hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức Aa3 trở lên (theo Moody's) đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế có thang thứ hạng tín nhiệm khác thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings thì mức xếp hạng tín nhiệm không thấp hơn mức xếp hạng tương ứng của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings;

(ii) Triển vọng của thứ hạng tín nhiệm quy định tại điểm a khoản này từ mức ổn định trở lên.

+ Kinh doanh có lãi trong 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

+ Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

+ Được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

+ Không phải là chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng Việt Nam khác.

- Thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh là ngân hàng thương mại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện đối với ngân hàng thương mại quy định tại khoản 1, 4 Điều 4 Nghị định 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024 như sau:

+ Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác.

+ Ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 Nghị định 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024, cổ đông sáng lập là tổ chức phải đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam;

(ii) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không được góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác góp vốn, mua cổ phần;

(iii) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iv) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 500 tỷ đồng trong 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

(v) Kinh doanh có lãi trong 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

(vi) Trường hợp là doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(vii) Trường hợp là doanh nghiệp nhà nước, phải được phép tham gia góp vốn theo quy định của pháp luật;

(viii) Trường hợp là tổ chức được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật về ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm;

(ix) Không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 (hai) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

(x) Trường hợp là ngân hàng thương mại:

Có tổng tài sản tối thiểu là 100.000 tỷ đồng, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

Không vi phạm các tỷ lệ về đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

Tuân thủ điều kiện, giới hạn mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 8 Điều 111 Luật Các tổ chức tín dụng;

Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu sau khi góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần;

Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng và không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

- Thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh là doanh nghiệp không phải ngân hàng phải đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc pháp luật nước ngoài;

(ii) Phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản cho phép tham gia góp vốn vào ngân hàng liên doanh đối với trường hợp là doanh nghiệp Nhà nước;

(iii) Trường hợp là doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật về ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm;

(iv) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 1.000 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 2.000 tỷ đồng trong 03 năm liên tiếp trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đối với phần vốn góp từ trên 1% đến dưới 5% vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh hoặc có vốn chủ sở hữu tối thiểu 200 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 400 tỷ đồng trong 03 năm liên tiếp trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đối với phần vốn góp từ 1% vốn điều lệ trở xuống của ngân hàng liên doanh;

(v) Đối với doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán của năm liên tiếp trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(vi) Kinh doanh có lãi trong 03 năm liên tiếp trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

(vii) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn;

(viii) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(ix) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

(x) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng và không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 năm liên tiếp trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

- Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, các thành viên sáng lập phải cùng nhau sở hữu 100% vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh.

* Điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính đối với tổ chức tín dụng nước ngoài khi đề nghị cấp Giấy phép thành lập ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài

Khi đề nghị cấp Giấy phép, tổ chức tín dụng nước ngoài là thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh, chủ sở hữu của ngân hàng 100% vốn nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính sau đây:

a) Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liên tiếp trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép;

b) Kinh doanh có lãi trong 05 năm liên tiếp liên tiếp trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép.

6.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;
- Căn cứ Nghị định số 162/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;
- + Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;
- + *Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;*
- + Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng, giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.
- + *Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.*

7. Thủ tục đề nghị chấp thuận nguyên tắc cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài

7.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Ban trụ bị lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép được lập theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước.

- **Bước 2:** Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ để xem xét chấp thuận nguyên tắc hoặc yêu cầu bổ sung trong trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa đầy đủ, hợp lệ.

- **Bước 3:** Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên cơ sở ý kiến của các cơ quan liên quan. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời Ban trụ bị, trong đó nêu rõ lý do không chấp thuận.

7.2. Cách thức thực hiện:

- *Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có);*

- Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);

- Dịch vụ bưu chính.

7.3. Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài do người đại diện theo pháp luật của ngân hàng nước ngoài ký theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN.

2. Đề án thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Sự cần thiết thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Tên chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tên tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, nội dung hoạt động, thời gian hoạt động, văn được cấp khi thành lập;

c) Sơ đồ tổ chức, danh sách nhân sự dự kiến của chi nhánh ngân hàng nước ngoài phù hợp với các quy định tại Điều 97, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng; danh sách nhân sự dự kiến phải mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, năng lực quản lý rủi ro đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí;

d) Chính sách quản lý rủi ro: Nhận diện, đo lường, phòng ngừa, quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro thanh khoản, rủi ro tập trung và các rủi ro khác phát sinh từ các hoạt động trọng yếu và trong quá trình hoạt động;

đ) Công nghệ thông tin:

- (i) Dự kiến đầu tư tài chính cho công nghệ thông tin;
 - (ii) Hệ thống công nghệ thông tin phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành, quản lý rủi ro của chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các quy định của Ngân hàng Nhà nước;
 - (iii) Khả năng áp dụng công nghệ thông tin, trong đó nêu rõ: thời gian thực hiện đầu tư công nghệ; loại hình công nghệ dự kiến áp dụng; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin; bảo đảm hệ thống thông tin có thể tích hợp và kết nối với hệ thống quản lý của Ngân hàng Nhà nước để cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước;
 - (iv) Hồ sơ về hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
 - (v) Các giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật tương ứng với loại hình dịch vụ dự kiến triển khai;
 - (vi) Nhận diện, đo lường và triển khai phương án quản lý rủi ro đối với công nghệ dự kiến áp dụng trong lĩnh vực hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
 - (vii) Dự kiến phân công trách nhiệm báo cáo và kiểm soát hoạt động hệ thống công nghệ thông tin;
- e) Khả năng đứng vững và phát triển của chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên thị trường:
- (i) Phân tích và đánh giá thị trường ngân hàng, trong đó nêu được thực trạng, thách thức và triển vọng;
 - (ii) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đó chứng minh được lợi thế của chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi tham gia thị trường;
 - (iii) Chiến lược phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động và nội dung hoạt động ngân hàng, loại khách hàng và số lượng khách hàng. Trong đó, phân tích rõ việc đáp ứng các điều kiện đối với những nội dung hoạt động có điều kiện;
- g) Hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ:
- (i) Yêu cầu đối với hệ thống kiểm soát nội bộ;
 - (ii) Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Các tổ chức tín dụng và quy định về tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
 - (iii) Quy trình hoạt động của kiểm toán nội bộ;
- h) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch hành động để đạt được mục tiêu đó, các báo cáo tài chính dự kiến của

từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm).

3. Điều lệ của ngân hàng mẹ.

4. Tài liệu chứng minh năng lực của Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài dự kiến:

a) Sơ yếu lý lịch của Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài dự kiến theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN có xác nhận của ngân hàng mẹ;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân (đối với người có quốc tịch Việt Nam) được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an, không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/ND-CP của Chính phủ.

b) Phiếu lý lịch tư pháp:

(i) Đối với nhân sự dự kiến có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

(ii) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì Trường Ban trụ bị phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;

(iii) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại điểm b(i) và b(ii) phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tín dụng phi ngân hàng nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 tháng;

Nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ

thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);

c) Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn và các tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan của Tổng giám đốc (Giám đốc) dự kiến.

5. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc các văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cấp cho ngân hàng mẹ.

6. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cung cấp thông tin về ngân hàng mẹ như sau:

a) Nội dung hoạt động được phép tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

b) Tình hình tuân thủ pháp luật về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác trong vòng 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

c) Tỷ lệ an toàn vốn và các tỷ lệ đảm bảo an toàn khác theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

d) Tình hình tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

7. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cam kết khả năng giám sát toàn bộ hoạt động của ngân hàng mẹ (bao gồm cả hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam) trên cơ sở hợp nhất theo thông lệ quốc tế.

8. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của ngân hàng mẹ.

9. Văn bản hoặc tài liệu của tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng tín nhiệm đối với ngân hàng mẹ trong thời hạn 06 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ.

10. Văn bản của ngân hàng mẹ bảo đảm chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh tại Việt Nam; đảm bảo duy trì giá trị thực của vốn được cấp của chi nhánh không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

11. Báo cáo quá trình thành lập, hoạt động và định hướng phát triển đối với ngân hàng mẹ cho đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

12. Văn bản của ngân hàng mẹ do người đại diện theo pháp luật ký về việc cử Ban trừ bị và ủy quyền cho Trưởng Ban trừ bị.

13. Văn bản của ngân hàng mẹ do người đại diện theo pháp luật ký kèm tài liệu chứng minh chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm d khoản 3 Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng trong trường hợp ngân hàng mẹ đề nghị thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài thứ hai trở lên tại Việt Nam.

7.4. Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ bằng tiếng Việt và 01 bộ bằng tiếng Anh) trừ trường hợp Thông tư số 56/2024/TT-NHNN có quy định khác, trong đó:

a) Bộ hồ sơ tiếng Anh phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ các tài liệu sau đây:

(i) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở chính gửi trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước;

(ii) Các báo cáo tài chính được lập trực tiếp bằng tiếng Anh;

b) Các bản dịch từ tiếng Anh ra tiếng Việt phải được chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về chứng thực của pháp luật Việt Nam trừ tài liệu quy định tại điểm c khoản này,

c) Bản dịch các báo cáo tài chính phải được xác nhận của tổ chức, cá nhân được phép hành nghề dịch thuật theo quy định của pháp luật;

d) Các văn bản tiếng Việt là bản gốc (hoặc sao từ bản gốc tiếng Việt) được lập tại Việt Nam không cần phải dịch ra tiếng Anh.

7.5. Thời hạn giải quyết: 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

7.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

7.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).

7.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận/ không chấp thuận nguyên tắc thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài

7.9. Lệ phí: Không

7.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại (Phụ lục số 05).

+ Sơ yếu lý lịch tự khai (Phụ lục số 07).

7.11. Yêu cầu, điều kiện:

- Có vốn điều lệ, vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định;

- Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 41 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Chủ sở hữu là pháp nhân đang hoạt động hợp pháp và có đủ năng lực tài chính.

- Có đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng; không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.

- Tổ chức tín dụng nước ngoài được phép thực hiện hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính;

- Hoạt động dự kiến thực hiện tại Việt Nam phải là hoạt động mà tổ chức tín dụng nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính;

- Tổ chức tín dụng nước ngoài đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đáp ứng các quy định về bảo đảm an toàn hoạt động theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính.

- Cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính đã ký kết thỏa thuận với Ngân hàng Nhà nước về thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng, trao đổi thông tin giám sát an toàn ngân hàng và có văn bản cam kết giám sát hợp nhất theo thông lệ quốc tế đối với hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài.

- Ngân hàng nước ngoài phải có văn bản bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam; bảo đảm duy trì giá trị thực của vốn được cấp không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật này;

- Trường hợp đề nghị thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài thứ hai trở lên tại Việt Nam, ngân hàng nước ngoài phải bảo đảm chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam trong 03 năm liên kế trước năm đề nghị thành lập chi nhánh mới không vi phạm quy định của pháp luật, các tỷ lệ bảo đảm an toàn và có kết quả kinh doanh có lãi.

* Điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính đối với tổ chức tín dụng nước ngoài khi đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

+ Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 20 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liên kế trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép;

+ Kinh doanh có lãi trong 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép.

* Điều kiện đối với ngân hàng mẹ:

+ Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

+ Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng như sau:

Thứ hạng tín nhiệm từ mức AA- trở lên (theo Standard & Poor's hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức Aa3 trở lên (theo Moody's) đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế có thang thứ hạng tín nhiệm khác thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings thì mức xếp hạng tín nhiệm không thấp hơn mức xếp hạng tương ứng của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings;

Triển vọng của thứ hạng tín nhiệm quy định tại điểm a khoản này từ mức ổn định trở lên.

+ Được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

7.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

- Căn cứ Nghị định số 162/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

+ Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

+ *Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;*

Phụ lục số 05**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-----**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI****Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 162/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

Nay, Ngân hàng... đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh ngân hàng nước ngoài với các nội dung sau đây:

1. Tên của chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh

2. Tên tỉnh, thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh:

3. Nội dung hoạt động:

4. Thời gian hoạt động:

5. Vốn được cấp:

6. Danh sách dự kiến bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài (nêu rõ họ, tên).

7. Cơ cấu tổ chức, quản trị điều hành dự kiến của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Ngân hàng... xin cam kết:

- Về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Sau khi được cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, chúng tôi sẽ thực hiện việc đăng ký ngày khai trương và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước; nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày... tháng ... năm ...

**Người đại diện theo pháp luật của ngân hàng nước ngoài
ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên**

Phụ lục số 07
MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH TỰ KHAI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Nơi sinh:

Ảnh hộ
chiếu
(4x6)

- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện (trường hợp là người đại diện của pháp nhân):

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm)

3. Quá trình công tác:

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay), làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính.

- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại ngân hàng và các tổ chức khác.

- Đơn vị công tác; chức vụ; các trách nhiệm chính (liệt kê các đơn vị công tác và chức danh nắm giữ tại các đơn vị này đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Phần vốn góp, cổ phần dự kiến sở hữu (trường hợp cổ đông là cá nhân) hoặc dự kiến được ủy quyền, ủy thác đứng tên (trường hợp là người đại diện của pháp nhân).

5. Mối quan hệ (nếu là cổ đông sáng lập, người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm người quản lý, điều hành và một số chức danh khác của ngân hàng thương mại): Kê khai mối quan hệ với người có liên quan theo quy định tại khoản 24 Điều 4, khoản 3 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng.

6. Thông tin về cầm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có/không cung cấp được thông tin này);

7. Tôi,..... xin cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

..., ngày ... tháng ... năm....

Người khai

(Ký và ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

8. Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài sau khi chấp thuận nguyên tắc

8.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ban trụ bị lập các văn bản bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 14 Thông tư số 56/2014/TT-NHNN và gửi Ngân hàng Nhà nước. Quá thời hạn nêu trên, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hoặc nhận được không đầy đủ các văn bản bổ sung thì văn bản chấp thuận nguyên tắc đương nhiên không còn giá trị.

- **Bước 2:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận đầy đủ văn bản bổ sung.

- **Bước 3:** Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước tiến hành cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời Ban trụ bị, trong đó nêu rõ lý do không cấp Giấy phép.

8.2. Cách thức thực hiện:

- *Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có);*

- Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);

- Dịch vụ bưu chính.

8.3. Thành phần hồ sơ:

Sau khi nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc, Ban trụ bị phải bổ sung các văn bản sau:

a) Văn bản bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài do đại diện theo pháp luật của ngân hàng mẹ ký;

b) Văn bản chứng minh quyền sử dụng hợp pháp trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm g khoản 2 Điều 14 Thông tư số 56/2024/TT-NHNN được ngân hàng mẹ thông qua;

d) Văn bản của Cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính đánh giá ngân hàng mẹ đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp bổ sung văn bản;

e) Các văn bản khác có liên quan đến cấp Giấy phép.

- Danh mục tài liệu.

Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao có chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì phải xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu, người đối chiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

8.4. Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ bằng tiếng Việt và 01 bộ bằng tiếng Anh) trừ trường hợp Thông tư số 56/2024/TT-NHNN có quy định khác, trong đó:

a) Bộ hồ sơ tiếng Anh phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ các tài liệu sau đây:

(i) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở chính gửi trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước;

(ii) Các báo cáo tài chính được lập trực tiếp bằng tiếng Anh;

b) Các bản dịch từ tiếng Anh ra tiếng Việt phải được chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về chứng thực của pháp luật Việt Nam trừ tài liệu quy định tại điểm c khoản này,

c) Bản dịch các báo cáo tài chính phải được xác nhận của tổ chức, cá nhân được phép hành nghề dịch thuật theo quy định của pháp luật;

d) Các văn bản tiếng Việt là bản gốc (hoặc sao từ bản gốc tiếng Việt) được lập tại Việt Nam không cần phải dịch ra tiếng Anh.

8.5. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

8.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

8.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).

8.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thành chi nhánh ngân hàng nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm Thông tư số 56/2024/TT-NHNN).

8.9. Lệ phí: 1.000.000 đồng

8.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

8.11. Yêu cầu, điều kiện:

- Có vốn điều lệ, vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định;
- Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 41 của Luật các tổ chức tín dụng;
- Chủ sở hữu là pháp nhân đang hoạt động hợp pháp và có đủ năng lực tài chính.

- Có đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng; không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.

- Tổ chức tín dụng nước ngoài được phép thực hiện hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính;

- Hoạt động dự kiến thực hiện tại Việt Nam phải là hoạt động mà tổ chức tín dụng nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính;

- Tổ chức tín dụng nước ngoài đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đáp ứng các quy định về bảo đảm an toàn hoạt động theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính.

- Cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính đã ký kết thỏa thuận với Ngân hàng Nhà nước về thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng, trao đổi thông tin giám sát an toàn ngân hàng và có văn bản cam kết giám sát hợp nhất theo thông lệ quốc tế đối với hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài.

- Ngân hàng nước ngoài phải có văn bản bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam; bảo đảm duy trì giá trị thực của vốn được cấp không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật này;

- Trường hợp đề nghị thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài thứ hai trở lên tại Việt Nam, ngân hàng nước ngoài phải bảo đảm chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam trong 03 năm liền kề trước năm đề nghị thành lập chi nhánh mới không vi phạm quy định của pháp luật, các tỷ lệ bảo đảm an toàn và có kết quả kinh doanh có lãi.

* Điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính đối với tổ chức tín dụng nước ngoài khi đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

+ Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 20 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép;

+ Kinh doanh có lãi trong 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép.

* Điều kiện đối với ngân hàng mẹ:

+ Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính trong

vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

+ Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng như sau:

Thứ hạng tín nhiệm từ mức AA- trở lên (theo Standard & Poor's hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức Aa3 trở lên (theo Moody's) đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế có thang thứ hạng tín nhiệm khác thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings thì mức xếp hạng tín nhiệm không thấp hơn mức xếp hạng tương ứng của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings;

Triển vọng của thứ hạng tín nhiệm quy định tại điểm a khoản này từ mức ổn định trở lên.

+ Được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

8.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

- Căn cứ Nghị định số 162/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

+ Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

+ *Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;*

+ Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng, giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

B. Thủ tục thực hiện tại Bộ phận một cửa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực (Ngân hàng Nhà nước chi nhánh)

1. Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện nước ngoài

1.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi văn phòng đại diện nước ngoài dự kiến đặt trụ sở.

- **Bước 2:** Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản gửi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng yêu cầu bổ sung hồ sơ.

- **Bước 3:** Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Khu vực tiến hành cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản trả lời tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng, trong đó nêu rõ lý do không cấp Giấy phép.

1.2. Cách thức thực hiện:

- *Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (nếu có);*

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;

- Gửi qua dịch vụ bưu chính.

1.3. Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện nước ngoài do người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN.

2. Giấy phép hoạt động hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở chính cấp cho tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

3. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở chính cung cấp thông tin về tình hình tuân thủ pháp luật của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

4. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở chính cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thành lập Văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam.

5. Báo cáo quá trình thành lập, hoạt động của tổ chức tín dụng, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng cho đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và định hướng phát triển của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam.

6. Báo cáo tài chính năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán của tổ chức tín dụng, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

7. Tài liệu chứng minh năng lực của Trưởng Văn phòng đại diện nước ngoài dự kiến:

a) Sơ yếu lý lịch của Trưởng Văn phòng đại diện nước ngoài dự kiến theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN có xác nhận của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân (đối với người có quốc tịch Việt Nam) được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an, không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/ND-CP của Chính phủ.

b) Phiếu lý lịch tư pháp:

(i) Đối với nhân sự dự kiến có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

(ii) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì Trưởng Ban trụ bị phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến không

thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;

(iii) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại điểm b(i) và b(ii) phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tín dụng phi ngân hàng nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 tháng;

Nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);

c) Các văn bằng, chứng chỉ chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn của Trưởng Văn phòng đại diện nước ngoài dự kiến tại Việt Nam.

8. Văn bản chứng minh quyền sử dụng hoặc sẽ có quyền sử dụng hợp pháp trụ sở của văn phòng đại diện nước ngoài.

9. Danh mục tài liệu.

Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao có chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì phải xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu, người đối chiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

1.4. Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ bằng tiếng Việt và 01 bộ bằng tiếng Anh) trừ trường hợp Thông tư số 56/2024/TT-NHNN có quy định khác, trong đó:

a) Bộ hồ sơ tiếng Anh phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ các tài liệu sau đây:

(i) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở chính gửi trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước;

(ii) Các báo cáo tài chính được lập trực tiếp bằng tiếng Anh;

b) Các bản dịch từ tiếng Anh ra tiếng Việt phải được chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về chứng thực của pháp luật Việt Nam trừ tài liệu quy định tại điểm c khoản này,

c) Bản dịch các báo cáo tài chính phải được xác nhận của tổ chức, cá nhân được phép hành nghề dịch thuật theo quy định của pháp luật;

d) Các văn bản tiếng Việt là bản gốc (hoặc sao từ bản gốc tiếng Việt) được lập tại Việt Nam không cần phải dịch ra tiếng Anh.

1.5. Thời hạn giải quyết: 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

1.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực.

1.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 03 ban hành kèm Thông tư số 56/2024/TT-NHNN).

1.9. Lệ phí: 1.000.000 đồng

1.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện nước ngoài (Phụ lục số 06).

+ Sơ yếu lý lịch tự khai (Phụ lục số 07).

1.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng là pháp nhân được phép hoạt động ngân hàng ở nước ngoài;

- Quy định của pháp luật của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở chính cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng được phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam.

1.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

- Căn cứ Nghị định số 162/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vì mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

+ Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

+ *Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;*

+ Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng, giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

Phụ lục số 06**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN NƯỚC NGOÀI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh ...

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 162/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

Nay, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (tên) đề nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh ... xem xét cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện nước ngoài của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (tên) với nội dung sau đây:

1. Tên của văn phòng đại diện nước ngoài:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh

2. Địa điểm đặt trụ sở dự kiến của văn phòng đại diện nước ngoài:

3. Nội dung hoạt động:

4. Thời gian hoạt động:

5. Danh sách dự kiến bổ nhiệm trưởng văn phòng đại diện nước ngoài của văn phòng đại diện nước ngoài (nêu rõ họ, tên).

Tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (tên)... xin cam kết:

- Về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Sau khi được cấp Giấy phép, chúng tôi sẽ thực hiện việc đăng ký ngày khai trương và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước; nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày... tháng... năm...

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng

(ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên)

Phụ lục số 07**MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH TỰ KHAI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****SƠ YẾU LÝ LỊCH****1. Thông tin cá nhân**

- Họ và tên:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Nơi sinh:

Ảnh hộ
chiếu
(4x6)

- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện (trường hợp là người đại diện của pháp nhân):

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm)

3. Quá trình công tác:

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay), làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính.

- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại ngân hàng và các tổ chức khác.

- Đơn vị công tác; chức vụ; các trách nhiệm chính (liệt kê các đơn vị công tác và chức danh nắm giữ tại các đơn vị này đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Phần vốn góp, cổ phần dự kiến sở hữu (trường hợp cổ đông là cá nhân) hoặc dự kiến được ủy quyền, ủy thác đứng tên (trường hợp là người đại diện của pháp nhân).

5. Mỗi quan hệ (nếu là cổ đông sáng lập, người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm người quản lý, điều hành và một số chức danh khác của ngân hàng thương mại): Kê khai mỗi quan hệ với người có liên quan theo quy định tại khoản 24 Điều 4, khoản 3 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng.

6. Thông tin về cam đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có/không cung cấp được thông tin này);

7. Tôi,..... xin cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

..., ngày ... tháng ... năm....

Người khai

(Ký và ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.